

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI BIỂN VŨNG TÀU
(VUNGTAU SHIP)**



**TÀI LIỆU HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ
ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
(DỰ THẢO)**

Vũng Tàu, ngày 24 tháng 6 năm 2026

Số: /QĐ-HĐQT/VTS

Vũng Tàu, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Ban hành tài liệu họp
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI BIỂN VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và theo Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu (Công ty) sửa đổi, bổ sung lần 5 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/6/2024;

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty số .../NQ-HĐQT/VTS ngày .../6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu. Tài liệu bao gồm:

- Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
- Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
- Các báo cáo và tờ trình lấy ý kiến biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
- Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- đăng website;
- Lưu VT, TKý.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Bình

CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
08h30 ngày 24/6/2026

Thời gian	Nội dung
08h15 – 08h30	Đón tiếp đại biểu và cổ đông Đăng ký cổ đông dự họp, phát tài liệu họp
08h30 – 08h45	Khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ <ol style="list-style-type: none">Tuyên bố lý doBáo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐGiới thiệu Đại biểuThông qua Đoàn chủ tọaGiới thiệu thư ký cuộc họp ĐHĐCĐThông qua Ban kiểm phiếuThông qua Quy chế làm việc của ĐHĐCĐThông qua chương trình họp ĐHĐCĐ
08h45 – 09h15	Báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ <ol style="list-style-type: none">Báo cáo của Hội đồng quản trịBáo cáo của Ban Kiểm soátBáo cáo của Tổng Giám đốc tổng kết tình hình hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026
09h15- 10h00	Trình bày các tờ trình cần thông qua Đại hội đồng cổ đông <ol style="list-style-type: none">Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025.Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức năm 2025.Phê duyệt mức tiền lương thực hiện năm 2025 của Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS; quỹ thù lao thực hiện năm 2025 của thành viên HĐQT, BKS làm việc không chuyên trách.Phê duyệt mức tiền lương kế hoạch năm 2026 của Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS; quỹ thù lao kế hoạch năm 2026 của thành viên HĐQT, BKS làm việc không chuyên trách.Lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2026.Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (lần 6).
10h00 – 10h30	Thảo luận
10h30 – 10h45	Cổ đông biểu quyết thông qua báo cáo và nội dung trình ĐHĐCĐ
10h45 – 11h00	Nghỉ giải lao
11h00 – 11h15	Công bố kết quả biểu quyết báo cáo và nội dung trình ĐHĐCĐ
11h15 – 11h30	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
11h30	Bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Lê Văn Bình

DỰ THẢO

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI BIỂN VŨNG TÀU**

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và theo Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu.

Nhằm đảm bảo cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu (Công ty) diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội để Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

1. MỤC ĐÍCH

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.

- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

- Đối tượng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu.

3. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/TỪ VIẾT TẮT

- Công ty : Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức

- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)
- Đại hội : Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

4. NỘI DUNG QUY CHẾ

4.1 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số đại biểu dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ ba được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4.2 Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội

Các cổ đông theo danh sách chốt tại ngày 29/5/2026 đều có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

4.3 Khách mời tại Đại hội

- Là các cán bộ lãnh đạo, quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (*trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý*).

4.4 Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân .v.v...theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội.

- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.

- Cổ đông đến muộn chậm nhất 30 phút sau khi khai mạc Đại hội có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó

đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.
- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng Đại hội.
- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.
- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

4.5 Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Đoàn Chủ tọa gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 02 thành viên. Đoàn Chủ tọa điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập.

- Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc hoặc đột ngột vắng mặt trong lúc Đại hội đang diễn ra quá 30 phút thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ sẽ điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.

- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều hành cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

+ Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua;

+ Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

+ Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

+ Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

- + Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tọa: Đoàn chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

4.6 Thư ký Đại hội

- Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp.
- Nhiệm vụ và quyền hạn:
 - + Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - + Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
 - + Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ;
 - + Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - + Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

4.7 Ban Kiểm phiếu

- ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu (không quá 03 người) theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:
 - + Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
 - + Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết, bầu cử;
 - + Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa.
 - + Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.

4.8 Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

- Ban Kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 02 người do Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:
 - + Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - + Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo với ĐHĐCĐ tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

4.9 Phát biểu tại Đại hội

- Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội

thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký tổng hợp báo cáo Chủ tọa.

- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

4.10 Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

4.10.1 Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

- Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội). Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

- Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình để Đại hội thông qua.

- Hình thức biểu quyết như sau:

+ Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Nhân sự Đoàn chủ tọa; Nhân sự Ban Kiểm phiếu; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);

+ Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các Báo cáo, các Tờ trình và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có).

4.10.2 Cách thức biểu quyết:

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Mục 4.10.1.

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban Kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến và Không hợp lệ.

- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “**Tán thành**”, “**Không tán thành**”,

“**Không có ý kiến**” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “V” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

4.10.3 Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết:

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC Đại hội phát ra, có đóng dấu của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;

Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC Đại hội phát ra, phiếu không có dấu của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, phiếu không có chữ ký, không ghi đầy đủ họ tên của đại biểu, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

4.10.4 Thẻ lệ biểu quyết:

- Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều phiếu biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 29/5/2026) tổng số cổ phần của Công ty là: 16.423.782 cổ phần tương đương với 16.423.782 phiếu biểu quyết.

- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 18 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

- Lưu ý:

+ Cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khi có ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông không có lợi ích liên quan tán thành (căn cứ Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).

+ Cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản

của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với chính cổ đông đó hoặc người có liên quan của họ (căn cứ điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

4.10.5 Ghi nhận kết quả biểu quyết:

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban Kiểm phiếu.
- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội.

4.11 Biên bản, Nghị Quyết cuộc họp ĐHĐCĐ:

Biên bản họp và Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

5. Thực hiện

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

- Người triệu tập Đại hội có quyền:

- + Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
- + Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Đại hội.

- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty biểu quyết thông qua./.

Vũng Tàu, ngày tháng 6 năm 2026

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Bình

TỜ TRÌNH

**V/v thông qua các báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát
và Tổng Giám đốc Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và theo Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu (Công ty) sửa đổi, bổ sung lần 5 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/6/2024,

Hội đồng quản trị Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và biểu quyết thông qua các báo cáo sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
2. Báo cáo của Ban Kiểm soát;
3. Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS, HĐQT;
- Ban TGD;
- Lưu VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Bình

Số: /BC-HĐQT/VTS
(DỰ THẢO)

Vũng Tàu, ngày tháng 6 năm 2026

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI BIỂN VŨNG TÀU**

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông
Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và theo Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu (Công ty) sửa đổi, bổ sung lần 5 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/6/2024,

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) trong năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

1. Cơ cấu của Hội đồng quản trị trong năm 2025

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ CP sở hữu	Ghi chú
Ông Lê Văn Bình	Chủ tịch HĐQT	Đại diện phần vốn Nhà nước, quản lý 50% phần vốn góp nhà nước tại Công ty	NQ ĐHCĐ thường niên năm 2022 số 546/NQ-ĐHCĐ/VTS ngày 21/10/2022. Nghị quyết HĐQT số 548/NQ-HĐQT/VTS ngày 21/10/2022.
Ông Nguyễn Văn Cẩm	TV HĐQT	Đại diện phần vốn Nhà nước, quản lý 29,17% phần vốn góp nhà nước tại Công ty	NQ ĐHCĐ thường niên năm 2022 số 546/NQ-ĐHCĐ/VTS ngày 21/10/2022.
Ông Vũ Ngọc An	TV HĐQT		NQ ĐHCĐ thường niên năm 2022 số 546/NQ-ĐHCĐ/VTS ngày

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ CP sở hữu	Ghi chú
			21/10/2022.
Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhuồng	TV HĐQT		NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 số 546/NQ- ĐHĐCĐ/VTS ngày 21/10/2022.
Ông Phạm Văn Quang	TV HĐQT		NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 số 546/NQ- ĐHĐCĐ/VTS ngày 21/10/2022.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2025

2.1 Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các hoạt động được triển khai bài bản, đảm bảo tính thống nhất, kịp thời và hiệu quả.

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 05 phiên họp, thực hiện 12 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và ban hành 17 Nghị quyết và 15 Quyết định để kịp thời giải quyết các vấn đề của Công ty thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT. Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và cho ý kiến bằng văn bản đối với các nội dung thuộc thẩm quyền với tinh thần trách nhiệm cao. Các Nghị quyết, Quyết định được ban hành trên cơ sở thảo luận dân chủ và thống nhất cao giữa các thành viên trong HĐQT, bảo đảm xem xét và quyết nghị kịp thời các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính, tổ chức bộ máy và công tác quản trị doanh nghiệp của Công ty. Cụ thể:

- HĐQT đã kịp thời xem xét, cho ý kiến và trình ĐHĐCĐ thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ; tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; đồng thời chủ động định hướng chiến lược phát triển trung hạn của Công ty giai đoạn 2025 – 2027 theo hướng tập trung phát huy các lợi thế, thế mạnh hiện có; ưu tiên đầu tư, phát triển các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh chủ lực nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh và tạo động lực phát triển bền vững cho Công ty trong giai đoạn tiếp theo. HĐQT đã giám sát chặt chẽ việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Ban Tổng Giám đốc, theo dõi sát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư và

kip thời đưa ra các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu đề ra.

- Trong lĩnh vực đầu tư:

+ HĐQT đã xem xét, quyết nghị nhiều nội dung quan trọng liên quan đến Dự án xây dựng trụ sở Công ty tại số 88 Hạ Long, phường Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh: thông qua chủ trương đầu tư dự án xây dựng trụ sở Công ty, phê duyệt báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, đề cương nhiệm vụ, dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

+ HĐQT thống nhất chủ trương tìm kiếm, lựa chọn nhà đầu tư xây dựng văn phòng làm việc phục vụ hoạt động dịch vụ hàng hải và bố trí nơi lưu trú cho hoa tiêu tại khu vực phường Phú Mỹ hoặc phường Tân Phước, thành phố Hồ Chí Minh, góp phần từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của HĐQT, tích cực tìm kiếm, khảo sát và làm việc với các tổ chức, cá nhân có liên quan; tuy nhiên, đến nay chưa tìm được nhà đầu tư phù hợp. Để giải quyết tình trạng quá tải của Trạm Hoa tiêu Phú Mỹ, từ tháng 5/2025, Công ty đã chủ động thuê 01 căn nhà gần khu vực Trạm Hoa tiêu Phú Mỹ để bố trí bổ sung nơi lưu trú cho hoa tiêu trong thời gian chờ đến ca dẫn tàu. Hiện nay, việc sử dụng Trạm Hoa tiêu Phú Mỹ hiện hữu kết hợp với cơ sở thuê gần Trạm cơ bản đáp ứng nhu cầu lưu trú cho hoa tiêu trong thời gian chờ thực hiện nhiệm vụ tại khu vực Phú Mỹ trong khoảng 05 năm tới. Trên cơ sở đó, nhằm tập trung nguồn lực cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và triển khai dự án đầu tư xây dựng trụ sở Công ty tại số 88 Hạ Long, phường Vũng Tàu, ngày 08/4/2026, HĐQT đã họp và thống nhất tạm dừng triển khai thực hiện nội dung này.

- Trong công tác tài chính, HĐQT đã kịp thời xem xét, quyết định các phương án sử dụng nguồn tiền từ các hợp đồng tiền gửi đến hạn tại các ngân hàng; giao Tổng Giám đốc tổ chức triển khai việc sử dụng, phân bổ và gửi tiết kiệm nguồn vốn nhàn rỗi của Công ty, đảm bảo an toàn, hiệu quả. HĐQT đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông; thống nhất phân bổ nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024; chi bổ sung thù lao cho thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, thư ký HĐQT và chi thưởng cho cán bộ quản lý năm 2024, đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định hiện hành.

- Trong công tác quản trị nội bộ:

+ Căn cứ đề nghị của Tổng Giám đốc, HĐQT đã xem xét, sửa đổi, ban hành 04 quy chế nội bộ¹ nhằm hoàn thiện cơ chế quản lý, điều hành và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

+ HĐQT thông qua loại con dấu, số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Công ty và các đơn vị trực thuộc phù hợp với địa giới hành chính mới sau sáp nhập.

+ HĐQT cũng quan tâm xây dựng văn hóa doanh nghiệp, phát huy truyền thống đơn vị, trong đó thống nhất chọn ngày 29/6 hằng năm là Ngày Truyền thống của Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu. Ngày 08/4/2026, HĐQT đã họp và thống nhất bổ sung nội dung “**Ngày truyền thống của Công ty là ngày 29/6 hàng năm**”² vào dự thảo Điều lệ Công ty (*sửa đổi, bổ sung lần 6*), trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua.

- Trong công tác tổ chức nhân sự, HĐQT xem xét, thống nhất chủ trương và phê duyệt công tác bổ nhiệm, kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý tại các đơn vị trực thuộc và phòng nghiệp vụ của Công ty; thực hiện tiếp tục ký hợp đồng lao động đối với cán bộ quản lý theo nhu cầu thực tế nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành trong tình hình mới; phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty thuộc thẩm quyền phê duyệt quy hoạch của Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2021 – 2026, 2026 – 2031.

- HĐQT thống nhất phê duyệt kế hoạch tổ chức tham quan, nghỉ dưỡng cho CBCNV Công ty năm 2025, thể hiện sự quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động và góp phần tăng cường gắn kết nội bộ.

- HĐQT đã xem xét và thông qua báo cáo kết quả sử dụng lao động năm 2024, kế hoạch lao động năm 2025 do Tổng Giám đốc trình, làm cơ sở xây dựng phương án nhân sự phù hợp với định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Nhìn chung, trong năm 2025, HĐQT đã phát huy tốt vai trò lãnh đạo, định hướng và giám sát toàn diện hoạt động của Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành kịp thời, đúng thẩm quyền và phù hợp với tình hình thực tế; bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, đồng thời tạo điều kiện để Ban Tổng Giám đốc chủ động triển khai hiệu quả các nhiệm vụ theo định hướng phát triển chung của Công ty.

¹ Quy chế trả lương; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng, phúc lợi; Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng theo hiệu quả công việc.

² Gắn với mốc sự kiện ngày 29/6/1995, Hoa tiêu thuộc Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu, đơn vị trực thuộc Công ty đã dẫn chuyển tàu đầu tiên vào cảng an toàn, mở đầu cho quá trình phát triển lĩnh vực hoạt động chính của Công ty.

Với tinh thần trách nhiệm cao và sự phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, hoạt động quản trị, điều hành trong năm 2025 đã góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty trong giai đoạn tiếp theo.

2.2 Tình hình tham dự các cuộc họp của thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Lê Văn Bình	Chủ tịch	5/5	100%
2	Nguyễn Văn Cẩm	Thành viên	5/5	100%
3	Vũ Ngọc An	Thành viên	5/5	100%
4	Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Thành viên	5/5	100%
5	Phạm Văn Quang	Thành viên	5/5	100%

Các phiên họp HĐQT được tổ chức đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ các phiên họp, tích cực tham gia thảo luận và có tinh thần trách nhiệm cao; đồng thời đóng góp nhiều ý kiến thiết thực trong quá trình xem xét, quyết nghị các nội dung thuộc thẩm quyền. Việc cho ý kiến bằng văn bản cũng được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm tiến độ, chất lượng và đúng quy định.

Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ trách nhiệm chung, từng thành viên HĐQT đều chủ động, nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ được phân công; tích cực tham gia đóng góp ý kiến, qua đó góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của HĐQT và thúc đẩy sự phát triển ổn định, hiệu quả của Công ty trong năm 2025.

2.3 Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2025: Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

3. Việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trong năm 2025, HĐQT đã 01 lần triệu tập, tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 vào ngày 26/6/2025.

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 549/NQ-ĐHĐCĐ/VTS ngày 26/6/2025, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 597/NQ-HĐQT/VTS ngày 04/7/2025 chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung được ĐHĐCĐ thông qua. Cụ thể:

3.1 Kết quả hoạt động SXKD năm 2025:

HĐQT đã chỉ đạo sát sao Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Kết quả SXKD năm 2025 đã hoàn thành và vượt kế hoạch, cụ thể:

- Doanh thu và thu nhập năm 2025 toàn Công ty là 466.974 triệu đồng, đạt 129,54% (466.974/360.500 triệu đồng) so với kế hoạch năm 2025 và tăng 26,77% (466.974/368.353 triệu đồng) so với cùng kỳ năm 2024.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 178.109 triệu đồng, đạt 131,65% (178.109/135.285 triệu đồng) so với kế hoạch năm 2025 và tăng 21,02% (178.109/147.175 triệu đồng) so với thực hiện năm 2024.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 142.253 triệu đồng, đạt 131,71% (142.253/108.000 triệu đồng) so với kế hoạch năm 2025 và tăng 20,97% (142.253/117.590 triệu đồng) so với thực hiện năm 2024.

3.2 Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty:

Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty, HĐQT thống nhất giao Tổng Giám đốc ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán FAC để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.

3.3 Phân phối lợi nhuận năm 2024, trích lập và sử dụng các quỹ, chi trả cổ tức năm 2024 cho các cổ đông:

- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 597/NQ-HĐQT/VTS ngày 04/7/2025, thống nhất thông qua phương án phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024, Chi bổ sung thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, thư ký Hội đồng quản trị năm 2024, Chi thưởng người quản lý năm 2024; giao Tổng Giám đốc thực hiện việc phân phối, chi trả theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan, Quy chế trả lương, Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty, đảm bảo công khai, minh bạch.

- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 766/NQ-HĐQT/VTS ngày 20/8/2025 thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông: thời hạn chi trả cổ tức từ ngày 15/10/2025; chi trả một lần toàn bộ cổ tức năm 2024 cho cổ đông với mức cổ tức là 32%/vốn điều lệ; giao Tổng Giám đốc triển khai thực hiện đúng quy định pháp luật hiện hành.

3.4 Quyết toán quỹ lương cán bộ quản lý, quỹ thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát, thư ký HĐQT năm 2024 và thực hiện việc chi trả lương, thưởng, thù lao năm 2025 căn cứ vào quỹ lương kế hoạch của người lao động, quỹ lương kế hoạch của cán bộ quản lý chuyên trách, quỹ thù lao kế hoạch cho HĐQT, Ban Kiểm soát, thư ký HĐQT năm 2025 được ĐHĐCĐ thông qua:

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 597/NQ-HĐQT/VTS ngày 04/7/2025 giao Tổng Giám đốc triển khai thực hiện đúng quy định.

4. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

Trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc và đội ngũ cán bộ quản lý trong việc tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Thông qua các phiên họp định kỳ, báo cáo của Tổng Giám đốc và sự phối hợp trong hoạt động quản lý, điều hành, HĐQT đã kịp thời chỉ đạo, cho ý kiến đối với các nội dung quan trọng thuộc thẩm quyền. Công tác giám sát được thực hiện thường xuyên, khách quan và đúng thẩm quyền, đồng thời bảo đảm tạo điều kiện để Ban Tổng Giám đốc phát huy tính chủ động, linh hoạt trong điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

Trong năm 2025, Tổng Giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các quy định về trình xin ý kiến và báo cáo các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT. Tổng Giám đốc thường xuyên, chủ động báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, tiến độ triển khai các kế hoạch, kết quả thực hiện các dự án cũng như những khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều hành để HĐQT có cơ sở xem xét, phân tích, đánh giá và kịp thời cho ý kiến chỉ đạo, đề ra các giải pháp phù hợp, hiệu quả.

HĐQT đánh giá cao tinh thần trách nhiệm, tính chủ động và sự nỗ lực của Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện sự quyết liệt, linh hoạt trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ; chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc đã phát huy hiệu quả bộ máy nhân sự, tăng cường tinh thần đoàn kết nội bộ, duy trì môi trường làm việc tích cực, góp phần ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và từng bước nâng cao uy tín, vị thế của Công ty trên thị trường.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026 CỦA HĐQT

1. Mục tiêu

- Trong năm 2026, HĐQT tiếp tục phát huy vai trò quản trị, định hướng chiến lược và giám sát toàn diện hoạt động của Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao; tập trung chỉ đạo triển khai hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả và bền vững; từng bước nâng cao uy tín thương hiệu, vị thế và năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường.

- Tiếp tục triển khai kế hoạch phát triển trung hạn giai đoạn 2025 – 2027 theo định hướng phát huy các lợi thế, thế mạnh hiện có của Công ty; ưu tiên đầu tư và phát triển các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh chủ lực. Trong đó, tập trung duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ hoa tiêu hàng hải, bảo đảm an toàn, an ninh hàng hải; đồng thời mở rộng và phát triển các dịch vụ đại lý hàng hải, logistics, xếp dỡ hàng hóa tại khu vực cảng biển Bà Rịa – Vũng Tàu và dịch vụ

chuyên gia hàng hải nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của Công ty.

- Kịp thời xem xét, quyết định hoặc trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các chủ trương, kế hoạch liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính, nhân sự và các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Thực hiện tốt công tác quản trị tài chính; quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn; bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước tại Công ty cũng như vốn góp của các cổ đông; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước theo quy định.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; bảo đảm việc làm, thu nhập và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; nâng cao tính công khai, minh bạch và hiệu quả trong hoạt động quản trị doanh nghiệp.

2. Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2026

Căn cứ tình hình hoạt động năm 2025 và mục tiêu phát triển trong năm 2026, HĐQT xác định phương hướng hoạt động năm 2026 như sau:

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo hoạt động quản trị doanh nghiệp minh bạch, hiệu quả và phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

- Tổ chức các phiên họp định kỳ và đột xuất theo yêu cầu thực tế; kịp thời xem xét, quyết nghị hoặc cho ý kiến đối với các nội dung thuộc thẩm quyền nhằm bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được triển khai hiệu quả, đúng định hướng và phù hợp với tình hình thực tế.

- Tiếp tục chỉ đạo và giám sát Tổng Giám đốc trong việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; tăng cường giám sát công tác quản lý tài chính, sử dụng vốn, đầu tư, quản lý tài sản và việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ của Công ty nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty an toàn, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi để Ban Tổng Giám đốc chủ động, linh hoạt trong công tác điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch năm 2026.

- Tập trung chỉ đạo triển khai hiệu quả kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 và kế hoạch phát triển trung hạn giai đoạn 2025 – 2027; ưu tiên đầu tư và phát triển các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh chủ lực của Công ty như dịch vụ hoa tiêu hàng hải, đại lý hàng hải, logistics, xếp dỡ hàng hóa và dịch vụ

chuyên gia hàng hải; đồng thời mở rộng thị trường, nâng cao chất lượng dịch vụ và năng lực cạnh tranh của Công ty.

- Tiếp tục nghiên cứu, triển khai các dự án đầu tư cần thiết nhằm nâng cao năng lực hoạt động và từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; tăng cường giám sát tiến độ, hiệu quả triển khai các dự án đầu tư đã được thông qua.

- Tiếp tục hoàn thiện hoạt động quản trị Công ty, nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT; rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế hoạt động của Công ty; tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và trách nhiệm của từng thành viên Hội đồng quản trị.

- Quan tâm công tác tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực; xây dựng và hoàn thiện chính sách nhân sự, tiền lương, thưởng và các chế độ khác nhằm thu hút, giữ chân người lao động có năng lực; thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn mới.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và từng bước đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản trị, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của Công ty.

- Phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc nhằm bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, hiệu quả sử dụng vốn và năng lực quản trị rủi ro; góp phần giữ vững uy tín, thương hiệu và vị thế của Công ty trên thị trường.

- Tăng cường công tác xây dựng văn hóa doanh nghiệp, phát huy truyền thống đoàn kết nội bộ; chăm lo đời sống, việc làm, thu nhập và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 của HĐQT Công ty. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu VT, TK.

Lê Văn Bình

PHỤ LỤC

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành trong năm 2025

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	107/NQ- HĐQT/VTS	13/02/2025	<p>Nghị quyết kỳ họp thứ 23 nhiệm kỳ 3:</p> <p>1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2024, phương án xây dựng kế hoạch tài chính năm 2025 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 (số liệu chi tiết theo Tờ trình số 89/TTr-VTS ngày 10/02/2025 của Tổng Giám đốc); đề nghị Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty báo cáo, xin ý kiến cơ quan đại diện Chủ sở hữu (UBND tỉnh) xem xét, phê duyệt để biểu quyết tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên 2025.</p> <p>2. Thông qua kế hoạch phát triển trung hạn của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu giai đoạn năm 2025 – 2027 tập trung vào các thế mạnh Công ty hiện có; chú trọng đầu tư, phát triển các hoạt động SXKD chủ lực của Công ty: tiếp tục duy trì, phát triển lĩnh vực cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải, phát triển dịch vụ đại lý hàng hải, dịch vụ xếp dỡ hàng hóa tại các cảng biển khu vực Cái Mép – Thị Vải.</p>
2	206/NQ- HĐQT/VTS	13/3/2025	<p>Nghị quyết thông qua dưới hình thức lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản:</p> <p>1. Phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu thuộc thẩm quyền phê duyệt quy hoạch của Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2021 – 2026 (kỳ rà soát đợt 1) theo đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 187/TTr-VTS ngày 11/3/2025.</p> <p>2. Phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu</p>

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
			thuộc thẩm quyền phê duyệt quy hoạch của Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2026 – 2031 (kỳ rà soát đợt 1) theo đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 189/TTr-VTS ngày 11/3/2025.
3	207/QĐ- HĐQT/VTS	13/3/2025	Quyết định của HĐQT v/v Phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu thuộc thẩm quyền phê duyệt quy hoạch của Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2021-2026 (kỳ rà soát đợt 1 năm 2025).
4	208/QĐ- HĐQT/VTS	13/3/2025	Quyết định của HĐQT v/v Phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu thuộc thẩm quyền phê duyệt quy hoạch của Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2026-2031 (kỳ rà soát đợt 1 năm 2025).
5	261/NQ- HĐQT/VTS	01/4/2025	Nghị quyết thông qua dưới hình thức lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản: Thông qua Kế hoạch tổ chức cho CBCNV, người lao động Công ty đi tham quan du lịch, nghỉ dưỡng năm 2025 theo Tờ trình số 251/TTr-VTS ngày 31/3/2025 của Tổng Giám đốc.
6	339/NQ- HĐQT/VTS	25/4/2025	Nghị quyết thông qua dưới hình thức lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản: 1. Thông qua sửa đổi khoản 3 Điều 8 Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu ban hành theo Quyết định số 621/QĐ-HĐQT/VTS ngày 03/10/2023 của Hội đồng Quản trị Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 326/TTr-VTS ngày 22/4/2025. 2. Gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu đến chậm nhất là ngày 30/6/2025.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
7	340/QĐ- HĐQT/VTS	25/4/2025	Quyết định của HĐQT v/v Sửa đổi khoản 3 Điều 8 Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu ban hành theo Quyết định số 621/QĐ-HĐQT/VTS ngày 03/10/2023 của Hội đồng Quản trị Công ty.
8	389/NQ- HĐQT/VTS	09/5/2025	Nghị quyết thông qua dưới hình thức lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản: Thông qua sửa đổi khoản 2 Mục I Phụ lục II Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu ban hành theo Quyết định số 621/QĐ- HĐQT/VTS ngày 03/10/2023 của Hội đồng Quản trị Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 376/TTr-VTS ngày 06/5/2025.
9	390/QĐ- HĐQT/VTS	09/5/2025	Quyết định của HĐQT v/v Sửa đổi khoản 2 Mục I Phụ lục II Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu ban hành theo Quyết định số 621/QĐ-HĐQT/VTS ngày 03/10/2023 của Hội đồng Quản trị Công ty.
10	448/NQ- HĐQT/VTS	22/5/2025	Nghị quyết kỳ họp thứ 24 nhiệm kỳ 3: 1. Thông qua kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu lúc 08h30 ngày 26/6/2025. 2. Thông qua chương trình, nội dung, dự thảo tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu.
11	513/NQ- HĐQT/VTS	13/6/2025	Nghị quyết thông qua dưới hình thức lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản: Thông qua phương án sử dụng nguồn tiền từ các hợp đồng tiền gửi đến hạn tại các ngân hàng vào ngày 15/6/2025 và 16/6/2025 theo đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 506/TTr-VTS ngày 11/6/2025.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
12	539/QĐ- HĐQT/VTS	25/6/2025	Quyết định của HĐQT v/v Ban hành tài liệu họp ĐHCĐ thường niên năm 2025 của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu.
13	597/NQ- HĐQT/VTS	04/7/2025	<p>Nghị quyết kỳ họp thứ 25 nhiệm kỳ 3:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thống nhất triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. 2. Thống nhất chủ trương giao Tổng Giám đốc tổ chức tìm kiếm, lựa chọn nhà đầu tư (tổ chức/cá nhân) có năng lực để thực hiện xây dựng văn phòng làm việc tại khu vực phường Phú Mỹ, phường Tân Phước, thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là địa bàn thành phố Phú Mỹ thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), đảm bảo phù hợp về vị trí, quy mô, công năng sử dụng theo yêu cầu của Công ty. Sau khi công trình hoàn thiện, Công ty sẽ ký hợp đồng thuê lại để phục vụ triển khai các hoạt động dịch vụ hàng hải và bố trí khu lưu trú cho hoa tiêu. 3. Thông qua chủ trương đầu tư dự án xây dựng trụ sở Công ty tại số 88 đường Hạ Long, Phường 2, thành phố Vũng Tàu (nay là phường Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh). 4. Thống nhất phương án chi tạm ứng thù lao hàng tháng cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và thư ký Hội đồng quản trị năm 2025. 5. Thống nhất phân bổ nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024; Chi bổ sung thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, thư ký Hội đồng quản trị năm 2024; Chi thưởng người quản lý năm 2024. 6. Thông qua phương án sử dụng nguồn tiền từ các hợp đồng tiền gửi đến hạn tại các ngân hàng trong tháng 7/2025 theo đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 567/TTr-VTS ngày 30/6/2025.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
			7. Thống nhất chọn ngày 29/6 hàng năm là Ngày Truyền thống của Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu.
14	602/QĐ- HĐQT/VTS	04/7/2025	Quyết định của HĐQT v/v Phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án: Xây dựng trụ sở Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu tại số 88 Hạ Long, phường Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh.
15	626/NQ- HĐQT/VTS	14/7/2025	Nghị quyết thông qua dưới hình thức lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản: Thông qua dự thảo Quy chế trả lương của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu theo đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 614/TTr-VTS, ngày 10/7/2025.
16	627/QĐ- HĐQT/VTS	14/7/2025	Quyết định của HĐQT v/v Ban hành Quy chế trả lương của Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu (<i>thay thế cho Quyết định số 315/QĐ-HĐQT/VTS ngày 27/5/2019 của Hội đồng quản trị Công ty</i>).
17	664/NQ- HĐQT/VTS	21/7/2025	Nghị quyết thông qua dưới hình thức lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản: Thông qua loại con dấu, số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Công ty và các đơn vị trực thuộc Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu theo đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 643/TTr-VTS, ngày 16/7/2025.
18	766/NQ- HĐQT/VTS	20/8/2025	Nghị quyết thông qua dưới hình thức lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản: Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông.
19	798/NQ- HĐQT/VTS	26/8/2026	Nghị quyết thông qua dưới hình thức lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản: Thống nhất chủ trương bổ nhiệm một Phó Giám đốc Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu từ nguồn nhân sự tại chỗ, trong quy hoạch chức danh Phó Giám đốc Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
			Tàu nhiệm kỳ 2021-2026 đã được phê duyệt tại Quyết định số 186/QĐ-VTS ngày 11/3/2025 của Tổng Giám đốc Công ty.
20	843/NQ- HĐQT/VTS	10/9/2025	<p>Nghị quyết kỳ họp thứ 26 nhiệm kỳ 3:</p> <p>1. Thông qua dự thảo Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng, phúc lợi của Người lao động Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu theo đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 832/TTr-VTS ngày 08/9/2025.</p> <p>2. Thông qua dự thảo Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu theo đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 833/TTr-VTS ngày 08/9/2025.</p> <p>3. Phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ và dự toán chi phí giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án “xây dựng trụ sở Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu tại số 88 Hạ Long, phường Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh” theo đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 834/TTr-VTS ngày 08/9/2025.</p>
21	847/QĐ- HĐQT/VTS	10/9/2025	<p>Quyết định của HĐQT v/v Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty (<i>thay thế các Quyết định: số 621/QĐ-HĐQT/VTS ngày 03/10/2023, số 340/QĐ-HĐQT/VTS ngày 25/4/2025, số 390/QĐ-HĐQT/VTS ngày 09/5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty và Thông báo số 580/TB-VTS ngày 02/7/2025 của Tổng Giám đốc Công ty về việc thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào</i>).</p>
22	848/QĐ- HĐQT/VTS	11/9/2025	<p>Quyết định của HĐQT v/v Phê duyệt nội dung đề cương, nhiệm vụ và dự toán chi phí giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án: Xây dựng trụ sở Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu tại số 88 Hạ Long, phường Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh theo Tờ trình số 834/TTr-VTS ngày 08/9/2025 của Tổng Giám đốc.</p>

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
23	849/QĐ/HĐQT -VTS	11/9/2025	Quyết định của HĐQT v/v Ban hành Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng, phúc lợi của Người lao động Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu.
24	895/NQ- HĐQT/VTS	24/9/2025	<p>Nghị quyết thông qua dưới hình thức lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản:</p> <p>1. Phê duyệt bổ nhiệm ông Nguyễn Đức Thành, Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ Hoa tiêu thuộc Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu, giữ chức Phó Giám đốc Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu thuộc Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu.</p> <p>2. Thống nhất chủ trương bổ nhiệm một Phó Trưởng phòng Tài chính – Kế toán từ nguồn nhân sự tại chỗ, trong quy hoạch chức danh Phó Trưởng phòng Tài chính – Kế toán nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã được phê duyệt tại Quyết định số 186/QĐ-VTS ngày 11/3/2025 của Tổng Giám đốc Công ty.</p>
25	973/NQ- HĐQT/VTS	15/10/2025	<p>Nghị quyết kỳ họp thứ 27 nhiệm kỳ 3:</p> <p>1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án: Xây dựng trụ sở Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu tại số 88 Hạ Long, phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh theo đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty tại Tờ trình số 957/TTr-VTS ngày 09/10/2025.</p> <p>2. Thống nhất chủ trương để Tổng Giám đốc thực hiện ký kết hợp đồng lao động thời hạn 06 tháng đối với bà Lê Ngọc Mai Thảo, bố trí tiếp tục đảm nhận chức danh Phó Tổng Giám đốc.</p> <p>3. Phê duyệt bổ nhiệm ông Vũ Hoàng Nam, Kế toán tổng hợp, Kế toán thuế phòng Tài chính – Kế toán, giữ chức Phó Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu.</p>

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
26	974/QĐ- HĐQT/VTS	15/10/2025	Quyết định của HĐQT v/v Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án: Xây dựng trụ sở Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu tại số 88 Hạ Long, phường Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh.
27	1079/NQ- HĐQT/VTS	20/11/2025	Nghị quyết thông qua dưới hình thức lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản: Thông qua dự thảo Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng theo hiệu quả công việc hàng năm đối với tập thể, cá nhân thuộc Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu theo đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 1058/TTr-VTS, ngày 13/11/2025.
28	1080/QĐ- HĐQT/VTS	20/11/2025	Quyết định của HĐQT v/v Ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng theo hiệu quả công việc hàng năm đối với tập thể, cá nhân thuộc Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu.
29	1115/QĐ- HĐQT/VTS	01/12/2025	Quyết định của HĐQT v/v Công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng theo hiệu quả công việc năm 2025 đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu.
30	1181/NQ- HĐQT/VTS	15/12/2025	Nghị quyết thông qua dưới hình thức lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản: 1. Thông qua dự thảo Quy chế trả lương, thù lao của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu theo đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 1163/TTr-VTS, ngày 11/12/2025. 2. Thông qua dự thảo Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng, phúc lợi của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu theo đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 1164/TTr-VTS, ngày 11/12/2025. 3. Thông qua phương án sử dụng nguồn tiền

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
			từ các hợp đồng tiền gửi đến hạn tại các ngân hàng vào ngày 16/12/2025 theo đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 1167/TTr-VTS ngày 11/12/2025
31	1182/QĐ- HĐQT/VTS	15/12/2025	Quyết định của HĐQT v/v Ban hành Quy chế trả lương, thù lao của Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu <i>(thay thế cho Quyết định số 627/QĐ-HĐQT/VTS ngày 14/7/2025 của Hội đồng quản trị Công ty)</i> .
32	1183/QĐ- HĐQT-VTS	15/12/2025	Quyết định của HĐQT v/v Ban hành Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng, phúc lợi của Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu <i>(thay thế cho Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng, phúc lợi của Người lao động Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 849/QĐ- HĐQT/VTS ngày 11/9/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty)</i> .

Số: /BC-BKS/VTS

Vũng Tàu, ngày tháng 6 năm 2026

(DỰ THẢO)

BÁO CÁO

Tổng kết hoạt động năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Kiểm soát Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và theo Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu (Công ty) sửa đổi, bổ sung lần 5 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua ngày 27/06/2024;

Căn cứ Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 549/NQ-ĐHĐCĐ/VTS ngày 26/6/2025;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán FAC kiểm toán theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 010/2026/BCTC-FACNT ngày 27/02/2026 và Văn bản số 24/2026/CV-FAC ngày 8/4/2026;

Ban Kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về Kết quả hoạt động năm 2025 và Kế hoạch công tác năm 2026 của Ban kiểm soát như sau:

I. Nội dung hoạt động trong năm 2025

1. Thành viên Ban Kiểm soát

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 546/NQ-ĐHĐCĐ/VTS ngày 21/10/2022, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2027 gồm 03 thành viên:

DVT: đồng

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Quốc Huy	Trưởng Ban
2	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Thành viên
3	Vũ Hoàng Nam	Thành viên

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã tổ chức 05 cuộc họp vào các ngày: 17/4/2025, ngày 28/4/2025, ngày 20/5/2025, 02/7/2025 và ngày 20/10/2025 thực hiện các công việc sau:

- Thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng đầu năm 2025;

- Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2025.

Ngoài ra, Ban Kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, tập trung vào công tác quản lý, điều hành, cụ thể như sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty; theo dõi tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, cũng như các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;

- Giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Giám sát công tác quản lý điều hành, quản lý tài chính của ban lãnh đạo Công ty;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

- Giám sát hoạt động đầu tư, sử dụng và quản lý vốn của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty;

- Giám sát việc chi trả lương, thưởng, thù lao phù hợp với kế hoạch đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

- Phối hợp, giám sát công tác kiểm tra nội bộ; rà soát và đánh giá hiệu quả của công tác kế toán, tài chính, quản lý rủi ro và cảnh báo khi có sai phạm; kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

3. Báo cáo kết quả giám sát năm 2025

3.1 Phân phối lợi nhuận năm 2024 trong năm 2025

Lợi nhuận sau thuế năm 2024 đã được chi trả và phân phối vào các quỹ, tuân thủ Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 549/NQ-DHĐCĐ/VTS ngày 26/6/2025, cụ thể như sau:

DVT: đồng

Nội dung	Theo Nghị quyết	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ
1. Chia cổ tức năm 2024 cho cổ đông Nhà nước và cổ đông cá nhân, tổ chức (tỷ lệ 32% vốn điều lệ)	52.556.102.400	52.556.102.400	100%

Nội dung	Theo Nghị quyết	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ
2. Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành (1,5 tháng lương người quản lý)	589.032.000	589.032.000	100%
3. Trích quỹ đầu tư phát triển (28,82% Lợi nhuận sau thuế năm 2024)	33.720.486.271	33.720.486.271	100%
4. Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (2,18 tháng lương bình quân NLD)	32.195.265.717	32.195.265.717	100%

Ban Kiểm soát đánh giá công tác thực hiện trích lập các quỹ và chia cổ tức thực hiện trong năm 2025 đạt tỷ lệ 100% đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ quy định pháp luật.

Trong năm 2025, Công ty điều chỉnh một số chỉ tiêu của Báo cáo tài chính năm 2024 theo thông báo kết quả kiểm tra của Kiểm toán Nhà nước. Theo đó, lợi nhuận sau thuế năm 2024 được điều chỉnh tăng thêm số tiền là 580.278.585 đồng. Phần lợi nhuận này chuyển sang năm 2025 trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, mức cổ tức theo quy định.

3.2 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, thẩm tra báo cáo tài chính năm 2025

Căn cứ Kế hoạch tài chính năm 2025 được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 549/NQ-ĐHĐCĐ/VTS ngày 26/6/2025, qua rà soát Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán FAC, Ban Kiểm soát thống nhất với số liệu báo cáo tài chính năm 2025, với một số chỉ tiêu chính như sau:

ĐVT: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Năm 2025	Năm 2024	Tỷ lệ thực hiện năm 2025 so với kế hoạch	Tỷ lệ thực hiện năm 2025 so với năm 2024
1	Vốn chủ sở hữu bình quân (*)	-	351.659	320.607	-	109,68%
	Trong đó, vốn điều lệ	-	164.238	164.238	-	100,00%
2	Tổng tài sản	-	651.035	541.889	-	120,14%
3	Tổng doanh thu	360.500	466.974	368.353	129,53%	126,77%

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Năm 2025	Năm 2024	Tỷ lệ thực hiện năm 2025 so với kế hoạch	Tỷ lệ thực hiện năm 2025 so với năm 2024
4	Tổng chi phí	225.215	288.865	221.178	128,26%	130,60%
5	Lợi nhuận trước thuế	135.285	178.109	147.175	131,65%	121,02%
6	Lợi nhuận sau thuế	108.000	142.253	117.590	131,72%	120,97%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu	29,96%	30,46%	31,92%	101,67%	95,42%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-	21,85%	21,70%	-	100,69%
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	-	40,45%	36,67%	-	110,31%

(*) *Vốn chủ sở hữu bình quân được tính bằng trung bình cộng giữa số dư đầu kỳ và cuối kỳ, bao gồm các chỉ tiêu: Vốn góp chủ sở hữu, Vốn khác và Quỹ đầu tư phát triển, trên Báo cáo tài chính hàng năm.*

Năm 2025, Công ty đã hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch tài chính đề ra. Tổng doanh thu thực hiện đạt 129,53% so với kế hoạch năm 2025 và đạt 126,77% so với thực hiện năm 2024; lợi nhuận trước thuế đạt 131,65% so với kế hoạch năm 2025 và bằng 121,02% so với thực hiện năm 2024; lợi nhuận sau thuế đạt 131,72% so với kế hoạch năm 2025 và bằng 120,97% so với thực hiện năm 2024.

Qua xem xét và thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán, Ban Kiểm soát nhất trí với các nội dung của Báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định về chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Kiểm soát thống nhất số liệu báo cáo tài chính năm 2025 sau kiểm toán đã phản ánh đầy đủ, trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2025.

3.3 Kết quả giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty năm 2025

a. Giám sát hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành 17 Nghị quyết và 15 Quyết định liên quan đến công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của

Công ty (đính kèm phụ lục các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành trong năm 2025).

Hội đồng Quản trị Công ty trong năm 2025 đã thảo luận và quyết nghị một số vấn đề trọng yếu như sau:

- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024, phương án xây dựng kế hoạch tài chính năm 2025 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2024.

- Thông qua kế hoạch phát triển trung hạn của Công ty giai đoạn năm 2025 – 2027 tập trung vào các thế mạnh Công ty hiện có; chú trọng đầu tư, phát triển các hoạt động SXKD chủ lực của Công ty: tiếp tục duy trì, phát triển lĩnh vực cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải, phát triển dịch vụ đại lý hàng hải, dịch vụ xếp dỡ hàng hóa tại các cảng biển khu vực Cái Mép – Thị Vải.

- Thống nhất chủ trương giao Tổng Giám đốc tổ chức tìm kiếm, lựa chọn nhà đầu tư có năng lực để thực hiện xây dựng văn phòng làm việc tại khu vực phường Phú Mỹ hoặc phường Tân Phước, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi công trình hoàn thiện, Công ty sẽ ký hợp đồng thuê lại để phục vụ triển khai các hoạt động dịch vụ hàng hải và bố trí khu lưu trú cho hoa tiêu.

- Thông qua chủ trương đầu tư và phê duyệt nội dung đề cương, nhiệm vụ và dự toán chi phí giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án: Xây dựng trụ sở Công ty tại số 88 đường Hạ Long, phường 2, thành phố Vũng Tàu. Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án.

- Quyết định phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty thuộc thẩm quyền phê duyệt quy hoạch của Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2021 – 2026 và nhiệm kỳ 2026 – 2031.

- Thống nhất chủ trương bổ nhiệm một Phó Giám đốc Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu. Thống nhất chủ trương bổ nhiệm một Phó Trưởng phòng Tài chính – Kế toán.

- Ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, bao gồm: Quy chế trả lương, thù lao của Công ty, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng, phúc lợi của Người lao động Công ty, Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng theo hiệu quả công việc hàng năm đối với tập thể, cá nhân thuộc Công ty.

- Thông qua Kế hoạch tổ chức cho CBCNV, người lao động Công ty đi tham quan du lịch, nghỉ dưỡng năm 2025.

- Thông qua phương án sử dụng nguồn tiền từ các hợp đồng tiền gửi đến hạn tại các ngân hàng trong năm 2025.

- Thống nhất chọn ngày 29/6 hàng năm là Ngày truyền thống Công ty.

- Thông qua loại con dấu, số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Công ty và các đơn vị trực thuộc Công ty.

Ban Kiểm soát đánh giá các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đúng thẩm quyền, phạm vi trách nhiệm, phù hợp với Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2025 luôn bám sát tình hình thực tế, có những giải pháp kịp thời và phù hợp, có tinh thần trách nhiệm cao, không ngừng mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo lợi ích cho cổ đông và Công ty.

b. Giám sát hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc điều hành triển khai, thực hiện đầy đủ yêu cầu của các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị Công ty.

Tổng Giám đốc luôn theo sát tình hình sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt công tác đào tạo, quy hoạch và bố trí nguồn nhân lực kịp thời, hợp lý, phù hợp với yêu cầu thực tiễn của Công ty; đồng thời quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, công nhân viên, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Đối với các đơn vị trực thuộc, Tổng Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh với tinh thần trách nhiệm cao, cụ thể, kịp thời; chú trọng kiểm soát chi phí, nâng cao năng suất, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn lực, nhằm đảm bảo mục tiêu tăng trưởng và tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Công tác quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc được thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao và sự cẩn trọng cần thiết, góp phần đưa Công ty phát triển ổn định, bền vững; hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đồng thời bảo toàn và phát triển hiệu quả phần vốn của cổ đông tại Công ty.

Tất cả các hoạt động của Công ty đều được triển khai đúng quy định của pháp luật Việt Nam; việc công bố thông tin được Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện đầy đủ, kịp thời và minh bạch, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát luôn được thông báo về các cuộc họp của Hội đồng quản trị; được cung cấp thông tin về nội dung các cuộc họp, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty và phương hướng hoạt động trong năm.

Ban Kiểm soát nhận được sự quan tâm, phối hợp chặt chẽ của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc, đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện chức trách, nhiệm vụ, thực hiện việc kiểm tra, giám sát đúng quy định pháp luật.

II. Kế hoạch công tác năm 2026 của Ban Kiểm soát

Để thực hiện tốt nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật, Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch công tác trong năm 2026 như sau:

1. Tiếp tục giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, cũng như việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Quyết định, Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

2. Giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua; theo dõi tiến độ thực hiện và mức độ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch.

3. Tiếp tục giám sát hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, tập trung vào công tác quản lý tài chính, hiệu quả sử dụng vốn, triển khai các dự án đầu tư và kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

4. Thường xuyên kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực, mức độ cẩn trọng, tính hệ thống, nhất quán của công tác kế toán. Rà soát và đánh giá hiệu quả của công tác kế toán, quản lý rủi ro và cảnh báo khi có sai phạm; có các kiến nghị, đề xuất khi cần thiết nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

5. Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính định kỳ từng quý trong năm 2026.

6. Giám sát sự phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát.

7. Thực hiện các công việc khác của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Trên đây là báo cáo về tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và Kế hoạch công tác năm 2026, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT;
- Lưu VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Quốc Huy

Số: /BC-VTS
(DỰ THẢO)

Vũng Tàu, ngày tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO
Tổng kết hoạt động SXKD năm 2025
và xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2026

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông
Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và theo Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu (Công ty) sửa đổi, bổ sung lần 5 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/6/2024;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty;

Tổng Giám đốc báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động SXKD năm 2025 của Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua kế hoạch hoạt động năm 2026, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Kết quả SXKD năm 2025

Hoạt động SXKD của Công ty tập trung vào các mảng hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải, cụ thể: Cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải cho các tàu biển trong và ngoài nước; Đại lý tàu biển; Kinh doanh dịch vụ Logistics, cung cấp nguồn nhân lực cho các Nhà máy xi măng...; trong đó, dịch vụ hoa tiêu hàng hải chiếm trên 80% tổng doanh số hoạt động. Kết quả SXKD năm 2025 đạt như sau:

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025 (Tr.Đ)	Kết quả T.hiện năm 2024 (Tr.Đ)	Kết quả T.hiện năm 2025 (Tr.Đ)	Tỷ lệ (%)	
					Thực hiện năm 2025 so với KH năm 2025	Thực hiện năm 2025 so với TH năm 2024
1	Tổng số vốn điều lệ	164.238	164.238	164.238		

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025 (Tr.Đ)	Kết quả T.hiện năm 2024 (Tr.Đ)	Kết quả T.hiện năm 2025 (Tr.Đ)	Tỷ lệ (%)	
					Thực hiện năm 2025 so với KH năm 2025	Thực hiện năm 2025 so với TH năm 2024
2	Tổng tài sản		541.889	651.035		120,14
	Tổng doanh thu và thu nhập	360.500	368.353	466.974	129,54	126,77
3	Lợi nhuận trước thuế	135.285	147.175	178.109	131,65	121,02
4	Lợi nhuận sau thuế	108.000	117.590	142.253	131,71	120,97
5	LNST/Vốn điều lệ	65,76%	71,59%	86,61%		
6	LNST/Doanh thu	29,96%	31,92%	30,46%		

1.2. Phân tích, đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2025

a. Tổng số vốn điều lệ của Công ty năm 2025 giữ ổn định như năm 2024 là **164.238 triệu đồng**.

b. Tổng tài sản của Công ty năm 2025 đạt **651.035 triệu đồng**, tăng 20,14% ($651.035/541.889$ triệu đồng) so với năm 2024.

c. Doanh thu và thu nhập năm 2025 toàn Công ty là **466.974 triệu đồng**, đạt 129,54% ($466.974/360.500$ triệu đồng) so với kế hoạch năm 2025 và tăng 26,77% ($466.974/368.353$ triệu đồng) so với cùng kỳ năm 2024.

d. Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt **178.109 triệu đồng**, đạt 131,65% ($178.109/135.285$ triệu đồng) so với kế hoạch năm 2025 và tăng 21,02% ($178.109/147.175$ triệu đồng) so với thực hiện năm 2024.

đ. Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt **142.253 triệu đồng**, đạt 131,71% ($142.253/108.000$ triệu đồng) so với kế hoạch năm 2025 và tăng 20,97% ($142.253/117.590$ triệu đồng) so với thực hiện năm 2024.

e. Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ của Công ty năm 2025 đạt **86,61%**, tăng 20,85% so với kế hoạch năm 2025 và tăng 15,02% so với năm 2024.

f. Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu của Công ty năm 2025 đạt **30,46%**, tăng 0,5% so với kế hoạch năm 2025.

2. Kết quả hoạt động theo từng lĩnh vực

2.1 Hoạt động cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải

Công ty tiếp tục đảm nhận nhiệm vụ cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải các tuyến dẫn tàu: tuyến sông Dinh, sông Thị Vải, tàu thuyền quá cảnh lãnh thổ Việt

Nam trên sông Tiên từ cửa tiêu đến Vĩnh Xương, tuyến dẫn tàu Côn Đảo (*theo Quyết định số 813/QĐ-CHHVN ngày 01/10/2012 của Cục Hàng Hải Việt Nam, nay là Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam*); từ các bến cảng trên sông Cái Mép – Thị Vải, sông Dinh, bến phao 50.000 DWT kho xăng dầu Cù lao Tào đến các bến cảng khu vực cảng biển TP Hồ Chí Minh (trừ các bến cảng do Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn quản lý, khai thác) (*tại Quyết định số 2106/QĐ-CHHVN ngày 28/12/2017 của Cục Hàng hải Việt Nam*); Tuyến dẫn tàu từ vùng đón trả hoa tiêu Vũng Tàu vào Bến phao BP1, BP2, BP3 trên sông Cái Mép theo Quyết định số 332/QĐ-CHHVN ngày 21/3/2022; tuyến dẫn tàu ra, vào Bến cảng chuyên dùng Hydrocarbon thuộc Dự án tổ hợp hóa dầu miền Nam Việt Nam (*tại Quyết định số 1856/QĐ-CHHVN ngày 22/12/2022 của Cục Hàng hải Việt Nam*) và tuyến dẫn tàu vào, rời Bến cảng Khu dịch vụ Công nghiệp Long Sơn (*tại văn bản số 2726/CHHVN-ATAHHH ngày 21/6/2024*).

Năm 2025, Hoa tiêu thuộc Công ty đã dẫn thành công **18.997 lượt tàu**, đạt 108,44% (18.997/17.518 lượt tàu) so với kế hoạch giao và tăng 14,15% (18.997/16.642) so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, đã tổ chức dẫn thành công nhiều tàu container có trọng tải lớn và siêu trường siêu trọng, có trọng tải lớn nhất thế giới vào, rời cảng Gemalink an toàn, khẳng định năng lực và trình độ chuyên môn của Hoa tiêu Vũng Tàu, vị thế, uy tín của Công ty trên lĩnh vực hàng hải trong nước và quốc tế.

Doanh thu từ dịch vụ hoa tiêu hàng hải đạt **414.397 triệu đồng**, chiếm 88,74% trên tổng doanh thu toàn Công ty, đạt 127,03% (414.397/326.200) so với kế hoạch giao và tăng 28,09% (414.397/323.508) so với cùng kỳ năm 2024.

Chất lượng cung ứng dịch vụ hoa tiêu: Hoạt động cung ứng dịch vụ hoa tiêu hàng hải đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng, đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, không để xảy ra tai nạn hàng hải.

Phương tiện đưa đón hoa tiêu: Công ty trang bị 07 xe ô tô 07 chỗ và 08 tàu (ca nô) thực hiện đưa đón hoa tiêu. Các phương tiện được trang bị đầy đủ các thiết bị thông tin liên lạc như VHF, AIS nhằm giữ liên lạc thông suốt giữa các phương tiện với các hoa tiêu khi làm nhiệm vụ dẫn tàu trên các tuyến luồng với các cơ quan, đơn vị có liên quan như: Cảng vụ Hàng hải và Đường thủy, các doanh nghiệp cảng biển,... cũng như với bộ phận trực ban điều độ, trực ban lãnh đạo của Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu (XNHT).

2.2 Hoạt động kinh doanh khác

- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã tổ chức triển khai các hoạt động cung cấp dịch vụ cung ứng nhân lực vận hành xuất xi măng tại các nhà máy của Công ty xi măng INSEE (*nhà máy INSEE Cát Lái, INSEE Hiệp Phước và INSEE Thị Vải*). Doanh thu năm 2025 đạt **18.065 triệu đồng**.

- Doanh thu từ dịch vụ vận chuyên hành khách, vận chuyên hàng hóa, dẹp luồng tàu lớn, lai dắt tại cảng biển, đại lý hàng hải, dịch vụ logistics và các hoạt động khác: **12.260 triệu đồng.**

- Doanh thu tài chính: **22.242 triệu đồng.**

- Thu nhập khác: **10 triệu đồng.**

3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với NSNN

- Đối với các loại thuế, phí: Năm 2025, Công ty đã thực hiện nộp đầy đủ các loại thuế vào NSNN với tổng số tiền là **63.586** triệu đồng, không có nợ thuế.

- Chi trả cổ tức cho phần vốn Nhà nước năm 2024: **41.608** triệu đồng theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Thông báo của Hội đồng quản trị.

4. Tình hình đầu tư và huy động vốn để đầu tư vào các dự án đầu tư hình thành tài sản cố định và xây dựng cơ bản trong năm 2025

a. Tình hình đầu tư:

- Đối với dự án đầu tư:

+ Dự án đóng mới 02 tàu đưa đón hoa tiêu: Thực hiện Nghị quyết số 607/NQ-HĐQTVTS ngày 02/10/2023 và Quyết định số 608/QĐ-HĐQTVTS ngày 02/10/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đóng mới 02 tàu đưa đón hoa tiêu, trong năm 2025, Công ty đã thực hiện xong dự án và hoàn thành đưa 02 tàu vào sử dụng trong tháng 01/2026.

+ Dự án đầu tư xây trụ sở Công ty Cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu tại số 88 Hạ Long, phường Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh: Ngày 24/6/2025, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có văn bản số 10141/UBND-VP về chủ trương đầu tư dự án xây dựng trụ sở Công ty Cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu, đồng ý cho người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty có ý kiến biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty thông qua chủ trương đầu tư dự án xây dựng trụ sở công ty tại số 88 đường Hạ Long, Phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là phường Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh). Ngày 04/7/2025, Hội đồng quản trị Công ty ban hành Quyết định số 602/QĐ-HĐQT/VTS phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án: Xây dựng trụ sở Công ty Cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu tại số 88 Hạ Long, phường Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh; Ngày 11/9/2025, ban hành Quyết định số 848/QĐ-HĐQTVTS phê duyệt đề cương, nhiệm vụ và dự toán chi phí Giai đoạn Chuẩn bị đầu tư dự án: Xây dựng trụ sở Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu tại số 88 Hạ Long, phường Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh; Ngày 15/10/2025, ban hành Quyết định số 973/QĐ-HĐQTVTS phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án: Xây dựng trụ sở Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu tại số 88 Hạ Long, phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đang tiến

hành triển khai giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án theo đúng Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt và các quy định có liên quan. Thời gian thực hiện dự án dự kiến từ năm 2026 đến năm 2028.

- Đối với đầu tư mua sắm tài sản cố định vô hình: Công ty hoàn thành gói mua sắm “*Cung cấp giải pháp và triển khai hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp tại Công ty*” theo chủ trương của Hội đồng quản trị tại Nghị quyết số 389/NQ-HĐQTNTS ngày 11/7/2023, giá trị gói thầu: 3,45 tỷ đồng. Công ty đã tiến hành triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty, đã được nghiệm thu và bàn giao vào cuối Quý I/2025 để đưa vào thực hiện từ đầu Quý II/2025.

b. Tình hình huy động vốn:

Trong năm 2025, Công ty không có huy động vốn đầu tư mới.

5. Hiệu quả sử dụng vốn

- Công ty sử dụng vốn góp của nhà nước đúng mục đích, bảo toàn được phần vốn góp. Ban Lãnh đạo Công ty thận trọng trong công tác đầu tư và cân nhắc trên nguyên tắc bảo toàn vốn và đầu tư hiệu quả.

- Năm 2025, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ là 86,61% (142.253/164.238 triệu đồng), tăng 20,85% so với kế hoạch năm 2025 và tăng 15,02% so với năm 2024.

6. Chi trả cổ tức năm 2024

Ngày 26/6/2025, Công ty đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Đại hội đồng cổ đông đã ban hành Nghị quyết số 549/NQ-ĐHĐCĐ/VTS ngày 26/6/2025, thông qua mức cổ tức được chia của năm 2024 là 32% trên tổng vốn điều lệ. Trong tháng 10/2025, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Thông báo của Hội đồng quản trị.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

1. Những thuận lợi, khó khăn

a. Thuận lợi:

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, UBND thành phố Hồ Chí Minh, Đảng ủy cấp trên, các Sở ban ngành và các cơ quan đoàn thể có liên quan, sự tín nhiệm của khách hàng truyền thống lâu năm.

- Ban Lãnh đạo Công ty có năng lực và kinh nghiệm trong công tác quản lý, có năng lực lãnh đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và xây dựng chiến lược SXKD phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế hiện nay và đặc thù, lợi

thể tại khu vực cảng biển Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty xác định mục tiêu, chiến lược kinh doanh trong năm 2026 và những năm tiếp theo là tập trung phát triển ngành dịch vụ mũi nhọn là cung ứng dịch vụ hoa tiêu hàng hải, đồng thời mở rộng đầu tư vào các lĩnh vực hoạt động khác liên quan đến hàng hải như dịch vụ logistics, đại lý hàng hải, dịch vụ xếp dỡ hàng hóa tại các cảng biển khu vực cảng biển Bà Rịa – Vũng Tàu và các dịch vụ khác tại cảng biển...

- Sự nỗ lực của tập thể Ban lãnh đạo và CBCNV Công ty phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ và kế hoạch đã đề ra.

b. Khó khăn:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có đến hơn 80% là dịch vụ hoa tiêu hàng hải. Việc bảo đảm công tác dẫn tàu kịp thời, an toàn, đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường là mục tiêu chính của Công ty. Lướt tàu đến, rời khu vực cảng biển phụ thuộc nhiều vào các tác động chung của nền kinh tế trong và ngoài nước. Dự báo năm 2026 vẫn còn những lo ngại cho tình hình ngành vận tải biển về tình trạng bất ổn chính trị trên thế giới được các doanh nghiệp logistics đánh giá là trở ngại lớn nhất, làm gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu. Các cuộc xung đột địa chính trị, như chiến tranh Nga – Ukraine chưa chấm dứt, căng thẳng thương mại Mỹ - Trung, xung đột giữa Mỹ - Israel và Iran căng thẳng và leo thang, hay chính sách bảo hộ kinh tế từ các nền kinh tế lớn, đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến dòng chảy thương mại và vận tải hàng hóa quốc tế. Điều này khiến lượng tàu thuyền qua các cảng đều bị ảnh hưởng, phân khúc vận chuyển container, hàng rời sẽ gặp khó khăn, dự báo lượng tàu Container vào các cảng biển của Việt Nam sẽ không ổn định, trong đó, sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến cụm cảng Cái Mép – Thị Vải (*đây là cụm cảng nước sâu lớn nhất của Việt Nam tiếp nhận nhiều tàu container nhất*) thuộc tuyến luồng do hoa tiêu của Công ty đảm trách nhiệm vụ dẫn dắt tàu vào và rời cảng; ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận về dịch vụ hoa tiêu hàng hải của Công ty trong năm 2026.

- Một số lĩnh vực kinh doanh khác do không chủ động về phương tiện (*việc đầu tư phương tiện mới để phát triển sang các lĩnh vực này cần nhiều thời gian và khoản chi phí đầu tư rất lớn, cần có chiến lược dài hạn*), có sự cạnh tranh lớn trên thị trường nên chưa thực sự đạt được hiệu quả cao.

2. Kế hoạch hoạt động năm 2026

2.1. Mục tiêu

- Tiếp tục phát huy thắng lợi về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, chủ động nghiên cứu nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng ra các lĩnh vực tiềm năng, tạo thế ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tiến tới mục tiêu xây dựng một doanh nghiệp phát triển bền vững.

- Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với Ngân sách Nhà nước.

- Sử dụng vốn có hiệu quả, bảo toàn và không ngừng phát triển vốn Nhà nước và các cổ đông tại Công ty.

- Phân đầu đảm bảo an toàn lao động, an toàn, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

- Đảm bảo đủ việc làm, từng bước nâng cao thu nhập, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động.

2.2. Kế hoạch tài chính năm 2026

Trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2025, xem xét những thuận lợi, khó khăn, dự báo tình kinh tế trong và ngoài nước năm 2026 và tình hình thực tế hiện nay, Công ty xây dựng kế hoạch tài chính năm 2026 như sau:

- Sản lượng dẫn tàu:	18.807	lượt tàu
- Tổng doanh thu và thu nhập:	493,83	tỷ đồng
Trong đó:		
+ Doanh thu dịch vụ hoa tiêu hàng hải:	447,92	tỷ đồng
+ Doanh thu kinh doanh khác:	30,91	tỷ đồng
+ Doanh thu tài chính và thu nhập khác:	15	tỷ đồng
- Kế hoạch lợi nhuận trước thuế:	171,83	tỷ đồng
- Kế hoạch lợi nhuận sau thuế:	137,27	tỷ đồng
- Dự kiến chia cổ tức:	30%/vốn điều lệ	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE):	35,15%	

2.3. Kế hoạch hoạt động năm 2026

Trong năm 2026, Công ty tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính sau:

- Duy trì ổn định hoạt động SXKD của toàn Công ty, phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2026 được ĐHCĐ thường niên năm 2026 thông qua, cụ thể:

+ Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu hoàn thành tốt việc cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải, dẫn tàu ra vào cảng an toàn, đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường; phối hợp với phòng Kinh doanh của Công ty để phát triển dịch vụ chuyên gia hàng hải.

+ Phòng Kinh doanh, Chi nhánh Công ty giữ vững và mở rộng thị phần đối với các dịch vụ đang thực hiện cho các khách hàng truyền thống; đồng thời tích cực tìm kiếm khách hàng mới để mở rộng thị trường cho các hoạt động dịch vụ đại lý hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ tại cảng biển và các dịch vụ khác phù hợp với mục tiêu, chiến lược của Công ty trong xu thế hội nhập phát triển kinh tế với kỷ nguyên vươn mình của đất nước.

- Xin chủ trương triển khai đầu tư đóng mới 02 tàu đưa đón hoa tiêu vỏ Composit đăng ký sông pha biển VRSB thay thế các tàu vỏ gỗ đã quá cũ, hiện chỉ còn phù hợp với việc đưa đón hoa tiêu ở các cảng nằm sâu trong sông, không còn đảm bảo chất lượng đưa đón hoa tiêu ra khu vực cửa biển.

- Vận hành và từng bước hoàn thiện các phần mềm thuộc dự án “Cung cấp giải pháp và triển khai hệ thống hoạch định nguồn nhân lực doanh nghiệp tại Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu”, đảm bảo phục vụ tốt nhất cho công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và cung cấp các tiện ích phần mềm để đảm bảo cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

- Tiếp tục triển khai xây dựng trụ sở Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu tại số 88 Hạ Long, phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định về Luật đấu thầu và các quy định có liên quan.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ năm 2026 đối với phương tiện tàu và ô tô, đảm bảo phương tiện luôn sẵn sàng phục vụ tốt nhất cho việc thực hiện cung cấp các dịch vụ.

- Tiếp tục thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế của Công ty cho phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của Công ty, phù hợp với công tác chuyển đổi số đang triển khai tại Công ty.

- Tiếp tục làm việc với các cơ quan có thẩm quyền đề nghị xem xét, điều chỉnh bổ sung Bến cảng phục vụ cho phương tiện đưa đón hoa tiêu.

- Triển khai đầu tư mua sắm:

+ Mua mới 01 xe ô tô 07 chỗ sử dụng cho khối văn phòng Công ty thay thế xe 07 chỗ biển KS 72A-319.93 đã cũ và hết khấu hao (*xe được trang bị đưa vào sử dụng từ tháng 10/2010, hết khấu hao từ năm 2016*);

+ Mua mới 03 xe ô tô 07 chỗ sử dụng đưa đón hoa tiêu, trong đó: 01 xe thay thế xe 05 chỗ biển KS 72L-3788 (*xe được trang bị đưa vào sử dụng từ tháng 10/2010, hết khấu hao từ năm 2016*) và bổ sung 02 xe để đáp ứng nhu cầu đưa đón hoa tiêu do lượt tàu ngày càng tăng, do phải thường xuyên đưa hoa tiêu đi tham dự các cuộc họp chuyên môn (*thông qua các phương án bảo đảm an toàn hàng hải, phân luồng giao thông. . .*) tại Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh sau khi Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu được sáp nhập vào Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời dự phòng thay thế 02 xe 07 chỗ biển KS 72A - 474.48, 72A - 475.48 đã cũ và sắp hết khấu hao (*02 xe được trang bị đưa vào sử dụng đưa đón hoa tiêu từ tháng 12/2020, hết khấu hao vào tháng 12/2026*).

- Ban Tổng Giám đốc phối hợp với BCH Công đoàn cơ sở tổ chức Hội nghị Người lao động năm 2026; Tổ chức kỷ niệm ngày Truyền thống Công ty 29/6; Tổ chức cho CBCNV đi du lịch, nghỉ dưỡng trong nước và nước ngoài năm 2026 theo chế độ; Tổ chức khám sức khỏe định kỳ năm 2026 cho CBCNV toàn Công ty, khám

bệnh nghề nghiệp cho các đối tượng theo quy định, mua bảo hiểm sức khỏe với mức trách nhiệm cao cho người lao động.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu; Tổng Giám đốc Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu VT, TK.

Nguyễn Văn Cẩm

Số: /TTr-HĐQT/VTS

Vũng Tàu, ngày tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và theo Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu (Công ty) sửa đổi bổ sung lần 5 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/6/2024;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán FAC,

Hội đồng quản trị Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán (như tài liệu đính kèm).

Kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS, HĐQT;
- Ban TGD;
- P. TCKT;
- Lưu VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		583,829,594,369	510,427,167,159
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	29,844,603,925	18,181,397,730
1. Tiền	111		29,844,603,925	18,181,397,730
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		495,579,865,092	451,559,209,054
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.1	2,444,000,000	2,444,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.1	(1,282,635,950)	(1,530,002,300)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.2	494,418,501,042	450,645,211,354
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52,725,710,156	38,412,556,583
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	43,332,740,229	31,070,191,409
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	2,603,939,122	1,655,928,980
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	6,883,993,726	5,781,399,115
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(94,962,921)	(94,962,921)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		241,410,964	257,820,625
1. Hàng tồn kho	141	10	241,410,964	257,820,625
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5,438,004,232	2,016,183,167
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.1	594,089,721	250,619,706
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4,058,005,540	1,307,804,505
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	785,908,971	457,758,956
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI BIỂN VŨNG TÀU

Số 01 Thống Nhất, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025		01/01/2025	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		67,206,105,297		31,461,733,525	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		21,000,000		21,000,000	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-		-	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-		-	
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-		-	
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-		-	
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-		-	
6. Phải thu dài hạn khác	216		21,000,000		21,000,000	
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-		-	
II. Tài sản cố định	220		20,202,686,769		23,846,734,222	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	17,445,463,428		23,546,005,754	
<i>Nguyên giá</i>	222		72,102,603,926		72,135,454,075	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(54,657,140,498)		(48,589,448,321)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-		-	
<i>Nguyên giá</i>	225		-		-	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-		-	
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	2,757,223,341		300,728,468	
<i>Nguyên giá</i>	228		3,862,334,728		518,842,000	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,105,111,387)		(218,113,532)	
III. Bất động sản đầu tư	230		-		-	
<i>Nguyên giá</i>	231		-		-	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-		-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		43,825,986,566		3,080,288,560	
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-		-	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	43,825,986,566		3,080,288,560	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-		-	
1. Đầu tư vào công ty con	251		-		-	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-		-	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-		-	
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-		-	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-		-	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3,156,431,962		4,513,710,743	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.2	3,156,431,962		4,513,710,743	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-		-	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-		-	
4. Tài sản dài hạn khác	268		-		-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		651,035,699,666		541,888,900,684	



Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025		01/01/2025	
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		139,237,106,501		87,002,940,131	
I. Nợ ngắn hạn	310		139,237,106,501		87,002,940,131	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	6,995,727,440		2,779,832,430	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	158,135,846		7,950,305	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	14,001,698,378		8,569,267,712	
4. Phải trả người lao động	314		91,885,264,518		46,903,067,023	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	872,643,939		750,335,794	
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-		-	
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-		-	
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-		-	
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	728,309,346		2,100,157,899	
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-		-	
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-		-	
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	24,595,327,034		25,892,328,968	
13. Quỹ bình ổn giá	323		-		-	
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-		-	
II. Nợ dài hạn	330		-		-	
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-		-	
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-		-	
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-		-	
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-		-	
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-		-	
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-		-	
7. Phải trả dài hạn khác	337		-		-	
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-		-	
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-		-	
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-		-	
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-		-	
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-		-	
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-		-	

Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025		01/01/2025	
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		511,798,593,165		454,885,960,553	
I. Vốn chủ sở hữu	410		511,798,593,165		454,885,960,553	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	164,237,820,000		164,237,820,000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		164,237,820,000		164,237,820,000	
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-		-	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	446,263,400		446,263,400	
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-		-	
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	21	19,116,137,273		19,116,137,273	
5. Cổ phiếu quỹ	415		-		-	
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-		-	
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-		-	
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	185,165,061,178		151,444,574,907	
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-		-	
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-		-	
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	142,833,311,314		119,641,164,973	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		580,278,585		2,050,695,382	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		142,253,032,729		117,590,469,591	
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-		-	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-		-	
1. Nguồn kinh phí	431		-		-	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-		-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		651,035,699,666		541,888,900,684	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 4 năm 2026



Vũ Hoàng Nam
Người lập biểu



Ngô Thị Hồng Liên
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Cẩm
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

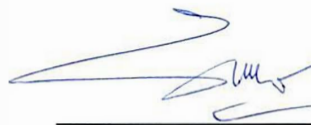
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	444,721,749,009	350,398,213,914
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23	444,721,749,009	350,398,213,914
4. Giá vốn hàng bán	11	24	238,191,553,219	186,545,926,611
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		206,530,195,790	163,852,287,303
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	22,242,785,466	17,940,313,494
7. Chi phí tài chính	22	26	(186,881,183)	214,484,482
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	50,860,513,732	34,414,917,570
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		178,099,348,707	147,163,198,745
11. Thu nhập khác	31		9,915,316	14,215,336
12. Chi phí khác	32		289,876	2,206,949
13. Lợi nhuận khác	40		9,625,440	12,008,387
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		178,108,974,147	147,175,207,132
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	35,855,941,418	29,584,737,541
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		142,253,032,729	117,590,469,591
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	5,844	5,164
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	5,844	5,164

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 4 năm 2026



Vũ Hoàng Nam
Người lập biểu



Ngô Thị Hồng Liên
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Cẩm
Tổng Giám đốc

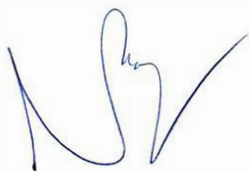
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		178,108,974,147	147,175,207,132
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	12, 13	7,259,529,406	5,631,433,826
- Các khoản dự phòng	03		(247,366,350)	(1,104,569,534)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	25	(21,716,232,337)	(17,425,407,405)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		163,404,904,866	134,276,664,019
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(15,742,504,109)	(2,516,369,838)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		16,409,661	(244,254,225)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		47,166,579,628	12,847,270,311
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,013,808,766	(820,093,629)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(32,387,315,171)	(27,596,500,326)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		57,299,175	44,820,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(34,138,598,826)	(17,570,653,315)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		129,390,583,990	98,420,882,997
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(41,092,927,672)	(6,858,288,363)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(281,578,586,369)	(271,855,636,349)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		237,805,296,681	207,922,682,279
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21,025,881,965	18,936,152,964
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(63,840,335,395)	(51,855,089,469)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2025	2024
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21	(53,887,042,400)	(41,370,893,200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(53,887,042,400)	(41,370,893,200)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		11,663,206,195	5,194,900,328
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	18,181,397,730	12,986,497,402
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	29,844,603,925	18,181,397,730


Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 4 năm 2026



Vũ Hoàng Nam
Người lập biểu



Ngô Thị Hồng Liên
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Cẩm
Tổng Giám đốc



Số: /TTr-HĐQT/VTS

Vũng Tàu, ngày tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và theo Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp ngày 14/6/2025;

Căn cứ Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu (Công ty) sửa đổi bổ sung lần 5 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/6/2024;

Căn cứ Quy chế quản lý tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 313/QĐ-HĐQT/VTS ngày 27 tháng 05 năm 2019 của Hội đồng Quản trị Công ty;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán FAC;

Hội đồng Quản trị Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức năm 2025 như sau:

Stt	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Tỷ lệ %
1	Vốn điều lệ	Đồng	164.237.820.000	100%
	- Vốn cổ đông nhà nước	Đồng	130.025.600.000	79,17%

Stt	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Tỷ lệ %
	- Vốn cổ đông khác	Đồng	34.212.220.000	20,83%
2	Lợi nhuận sau thuế phân phối năm 2025, trong đó:	Đồng	142.833.311.314	
	- Lợi nhuận sau thuế năm 2025	Đồng	142.253.032.729	
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước chuyển sang năm 2025	Đồng	580.278.585	
3	Trích quỹ đầu tư phát triển (30,94%/LNST năm 2025)	Đồng	44.010.391.307	
4	Trích quỹ khen, thưởng phúc lợi	Đồng	46.266.817.607	
	- Chủ tịch HĐQT	Đồng	275.344.593	Trích 03 tháng tiền lương bq thực hiện năm 2025
	- Trưởng ban kiểm soát	Đồng	160.703.827	
	- Ban điều hành và người lao động	Đồng	45.830.769.187	
5	Chia cổ tức (32%/vốn điều lệ)	Đồng	52.556.102.400	
	- Cổ đông nhà nước	Đồng	41.608.192.000	
	- Cổ đông khác	Đồng	10.947.910.400	

Kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS, HĐQT;
- Ban TGD;
- P. TCKT;
- Lưu VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Bình

Số: /TTr-HĐQT/VTS

Vũng Tàu, ngày tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt mức tiền lương thực hiện năm 2025 của Chủ tịch HĐQT,
Trưởng Ban Kiểm soát; quỹ thù lao thực hiện năm 2025 của thành viên ĐQT,
thành viên Ban Kiểm soát làm việc không chuyên trách
tại Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và theo Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP, ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước (có hiệu lực thi hành từ ngày 15/4/2025 và bãi bỏ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ);

Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP, ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BNV, ngày 28/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước (có hiệu lực thi hành từ ngày 15/6/2025 và bãi bỏ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội);

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu (Công ty) sửa đổi bổ sung lần 5 được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 27/6/2024;

Căn cứ Quy chế trả lương của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu được ban hành kèm theo Quyết định số 627/QĐ-HĐQT/VTS ngày 14/7/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty;

Căn cứ Quy chế trả lương, thù lao của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu được ban hành kèm theo Quyết định số 1182/QĐ-HĐQT/VTS ngày 15/12/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty (thay thế Quy chế trả lương ban hành kèm theo Quyết định số 627/QĐ-HĐQT/VTS);

Căn cứ tình hình hoạt động SXKD năm 2025 của Công ty,

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt mức tiền lương thực hiện năm 2025 của Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát; quỹ thù lao thực hiện năm 2025 của Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát làm việc không chuyên trách, cụ thể như sau:

I. Các chỉ tiêu tài chính thực hiện năm 2025 (Số liệu đã được kiểm toán)

Stt	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	THỰC HIỆN/ KẾ HOẠCH	
				GIÁ TRỊ	TỶ LỆ %
1	Tổng doanh thu và thu nhập	360.500.000.000	466.974.449.791	106.474.449.791	129,54%
2	Tổng chi phí	225.215.000.000	288.865.475.644	63.650.475.644	128,26%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	135.285.000.000	178.108.974.147	42.823.974.147	131,65%
4	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn góp của chủ sở hữu	82,37%	108,45%		

II. Mức tiền lương thực hiện năm 2025 của Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát; quỹ thù lao thực hiện năm 2025 của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát làm việc không chuyên trách tại Công ty

Mức tiền lương, quỹ thù lao năm 2025 được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 248/2025/NĐ-CP, ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

1. Mức tiền lương thực hiện năm 2025 của Chủ tịch HĐQT

Căn cứ các chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025; Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước; Nghị định số 44/2025/NĐ-CP, ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước,

Công ty xác định mức tiền lương thực hiện năm 2025 của Chủ tịch HĐQT chuyên trách (Người đại diện vốn), như sau:

Số lượng: 01 người

1.1 Mức tiền lương 7 tháng đầu năm 2025:

Căn cứ khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP: “2. Đối với trường hợp lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì được tính thêm tiền lương vào mức tiền lương thực hiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này theo nguyên tắc 1% lợi nhuận vượt so với kế hoạch, được tính thêm 2% mức tiền lương nhưng không quá 20% mức tiền lương thực hiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này”.

- Mức tiền lương kế hoạch năm 2025 (12 tháng): **750.540.530 đồng/người/12 tháng**

- Mức tiền lương tối đa thực hiện năm 2025 (12 tháng):

$750.540.530 \text{ đồng} \times 120\% = 900.648.636 \text{ đồng/người/12 tháng}$

- Xác định mức tiền lương thực hiện 07 tháng đầu năm 2025 (từ 01/01/2025 đến 31/7/2025):

$900.648.636 \text{ đồng/12 tháng} \times 07 \text{ tháng} = \mathbf{525.378.371 \text{ đồng (1)}}$

1.2 Mức tiền lương tối đa 05 tháng cuối năm 2025:

Căn cứ Điều 4 và khoản 1 Điều 5 Nghị định số 248/2025/NĐ – CP: “1. Doanh nghiệp có lợi nhuận và lợi nhuận thực hiện không thấp hơn kế hoạch thì mức tiền lương tối đa bằng 02 lần mức lương cơ bản, nếu lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì thực hiện theo nguyên tắc 1% lợi nhuận vượt so với kế hoạch, được tính thêm 2% mức tiền lương nhưng không quá 20% mức tiền lương tính trên cơ sở 02 lần mức lương cơ bản. Trường hợp lợi nhuận thực hiện thấp hơn kế hoạch thì mức tiền lương tối đa được tính bằng 80% nhân với 02 lần mức lương cơ bản và nhân với tỷ lệ lợi nhuận thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch, nhưng không thấp hơn 80% mức lương cơ bản”.

- Mức tiền lương tối đa thực hiện 05 tháng cuối năm 2025 (từ 01/8/2025 đến 31/12/2025):

$48.000.000 \text{ đồng} \times 2 \times 120\% \times 05 \text{ tháng} = 576.000.000 \text{ đồng (2)}$

1.3 Mức tiền lương tối đa năm 2025 của Chủ tịch HĐQT làm việc chuyên trách (người đại diện vốn nhà nước):

Mức tiền lương tối đa năm 2025 (12 tháng):

$(1) + (2) = 525.378.371 \text{ đồng} + 576.000.000 \text{ đồng} = \mathbf{1.101.378.371 \text{ đồng}}$

(Bằng chữ: Một tỷ một trăm lẻ một triệu, ba trăm bảy mươi tám ngàn, ba trăm bảy mươi một đồng chẵn.)

2. Mức tiền lương thực hiện năm 2025 của Trưởng Ban kiểm soát làm việc chuyên trách

Căn cứ các chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025; Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước; Nghị định số

44/2025/NĐ-CP, ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước và tiết a, tiết b điểm 1.1 khoản 1 Điều 5 Quy chế trả lương, thù lao của Công ty;

Công ty xác định mức tiền lương thực hiện năm 2025 của Trưởng Ban Kiểm soát làm việc chuyên trách như sau:

Số lượng: 01 người

2.1 Mức tiền lương 7 tháng đầu năm 2025:

Căn cứ khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP: “2. Đối với trường hợp lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì được tính thêm tiền lương vào mức tiền lương thực hiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này theo nguyên tắc 1% lợi nhuận vượt so với kế hoạch, được tính thêm 2% mức tiền lương nhưng không quá 20% mức tiền lương thực hiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này”.

- Mức lương kế hoạch năm 2025 (12 tháng): 625.450.442 đồng/người/12 tháng

- Mức tiền lương thực hiện năm 2025 (12 tháng):

$$625.450.442 \text{ đồng} \times 120\% = 750.540.530 \text{ đồng}$$

- Xác định mức tiền lương thực hiện 07 tháng đầu năm 2025:

$$750.540.530 \text{ đồng}/12 \text{ tháng} \times 07 \text{ tháng} = 437.815.309 \text{ đồng (1)}$$

2.2 Mức tiền lương 05 tháng cuối năm 2025:

Căn cứ Điều 4 Nghị định số 248/2025/NĐ – CP; Căn cứ tiết b điểm 1.1 khoản 1 Điều 5 Quy chế trả lương, thù lao của Công ty, mức tiền lương cơ bản của Trưởng Ban Kiểm soát làm việc chuyên trách không phải là người đại diện phần vốn nhà nước là 41.000.000 đồng/người/tháng.

- Số lượng: 01 người.

- Mức tiền lương 05 tháng cuối năm 2025 được tính: “41.000.000 đồng/tháng x số tháng làm việc trong năm x số lượng TBKS chuyên trách (01 người)”.

Như vậy, mức tiền lương thực hiện 05 tháng cuối năm 2025 của Trưởng Ban Kiểm soát Công ty sẽ là: **41.000.000 x 05 tháng x 01 người = 205.000.000 đồng (2)**

2.3 Mức tiền lương năm 2025 của Trưởng Ban Kiểm soát làm việc chuyên trách (không phải người đại diện vốn nhà nước):

Mức tiền lương năm 2025 (12 tháng):

$$(1) + (2) = 437.815.309 \text{ đồng} + 205.000.000 \text{ đồng} = 642.815.309 \text{ đồng}$$

(Bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi hai triệu, tám trăm mười lăm ngàn, ba trăm lẻ chín đồng chẵn.)

3. Mức thù lao tối đa thực hiện của Thành viên HĐQT làm việc không chuyên trách

Căn cứ các chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025; Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước; Nghị định số 44/2025/NĐ-CP, ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước; Căn cứ tiết a điểm 1.2 khoản 1 Điều 5 Quy chế trả lương, thù lao của Công ty.

Công ty xác định quỹ thù lao tối đa thực hiện năm 2025 của Thành viên HĐQT làm việc không chuyên trách, như sau:

3.1. Tiền lương tối đa của Thành viên Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách:

- 07 tháng đầu năm 2025 (từ 01/1/2025 đến 31/7/2025):
 - + Mức tiền lương kế hoạch: 50.817.848 đồng/tháng/người
 - + Mức tiền lương thực hiện: 50.817.848 đồng/tháng x 120% = 60.981.418 đồng/tháng
- 05 tháng cuối năm 2025 (từ 01/8/2025 đến 31/12/2025):
40.000.000 đồng x 2 x 120% = 96.000.000 đồng/tháng/người

3.2. Thù lao tối đa của Thành viên hội đồng quản trị làm việc không chuyên trách:

- Số lượng: 04 người
- Thù lao bằng 20% tiền lương của Thành viên Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách:

a) Mức thù lao 07 tháng đầu năm 2025 (từ 01/1/2025 đến 31/7/2025):

60.981.418 đồng/tháng/người x 20% x 04 người x 07 tháng = 341.495.939 đồng

b) Mức thù lao tối đa 05 tháng cuối năm 2025 (từ 01/8/2025 đến 31/12/2025):

96.000.000 đồng/tháng/người x 20% x 04 người x 05 tháng = 384.000.000 đồng

c) Mức thù lao tối đa năm 2025 (12 tháng):

(a) + (b) = 341.495.939 đồng + 384.000.000 đồng = 725.495.939 đồng

(Bằng chữ: Bảy trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi lăm ngàn, chín trăm ba mươi chín đồng)

4. Mức thù lao thực hiện của Thành viên Ban Kiểm soát làm việc không chuyên trách

Căn cứ các chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025; Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước; Nghị định số

44/2025/NĐ-CP, ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ tiết b điểm 1.2 khoản 1 Điều 5 Quy chế trả lương, thù lao của Công ty “... mức thù lao của thành viên ban kiểm soát làm việc chuyên trách bằng 5% mức tiền lương của Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách được xác định tại tiết b điểm 1.1 khoản 1 Điều này”,

Công ty xác định mức thù lao thực hiện năm 2025 của Thành viên Ban kiểm soát làm việc không chuyên trách, như sau:

4.1. Tiền lương cơ bản của Thành viên Ban kiểm soát làm việc chuyên trách:
40.000.000 đồng/người/tháng

4.2. Thù lao của Thành viên Ban kiểm soát làm việc không chuyên trách:

- Số lượng: 02 người
- Thù lao bằng 5% tiền lương của Thành viên Ban kiểm soát làm việc chuyên trách.

4.3 Mức thù lao thực hiện năm 2025 của Thành viên Ban kiểm soát làm việc không chuyên trách:

40.000.000 đồng/người/tháng x 5% x 02 người x 12 tháng = 48.000.000 đồng
(Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu đồng)

Căn cứ mức tiền lương tối đa của Chủ tịch HĐQT, mức tiền lương của Trưởng Ban Kiểm soát; mức thù lao tối đa của Thành viên HĐQT, mức thù lao của Thành viên Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Công ty chi trả tiền lương, thù lao theo đúng quy định, Quy chế của Công ty.

Kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS, HĐQT;
- Ban TGD;
- P. TCKT, TCNS;
- Lưu VT, TK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Lê Văn Bình

Số: /TTr-HĐQT/VTS

Vũng Tàu, ngày tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt mức tiền lương kế hoạch năm 2026 của Chủ tịch HĐQT,
Trưởng Ban Kiểm soát; quỹ thù lao kế hoạch năm 2026 của thành viên ĐQT,
thành viên Ban Kiểm soát làm việc không chuyên trách
tại Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và theo Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu (Công ty) sửa đổi bổ sung lần 5 được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 27/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP, ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Quy chế trả lương, thù lao của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu được ban hành kèm theo Quyết định số 1182/QĐ-HĐQT/VTS ngày 15/12/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty (Quy chế trả lương, thù lao của Công ty);

Căn cứ kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt mức tiền lương kế hoạch năm 2026 của Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát; quỹ thù lao kế hoạch năm 2026 của Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát làm việc không chuyên trách tại Công ty, cụ thể như sau:

I. Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2026

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2025	KẾ HOẠCH NĂM 2026	KẾ HOẠCH 2026/ THỰC HIỆN NĂM 2025	
				GIÁ TRỊ	TỶ LỆ %
1	TỔNG DOANH THU VÀ THU NHẬP	466.974.449.791	493.830.000.000	26.855.550.209	105,75
2	TỔNG CHI PHÍ	288.865.475.644	321.993.810.638	33.128.334.994	111,46
3	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	178.108.974.147	171.835.000.000	6.273.974.147	96,48

II. Mức tiền lương kế hoạch năm 2026 của Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát; quỹ thù lao kế hoạch năm 2026 của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát

Mức tiền lương, mức thù lao kế hoạch năm 2026 được xây dựng theo quy định tại Nghị định số 248/2025/NĐ-CP, ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước và khoản 1 Điều 5 Quy chế trả lương, thù lao của Công ty được ban hành kèm theo Quyết định số 1182/QĐ-HĐQT/VTTS ngày 15/12/2025 của Hội đồng quản trị Công ty.

1. Mức tiền lương kế hoạch năm 2026 của Chủ tịch HĐQT

Căn cứ các chỉ tiêu kế hoạch xuất kinh doanh năm 2026; Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước và tiết a điểm 1.1 khoản 1 Điều 5 Quy chế trả lương, thù lao của Công ty được ban hành kèm theo Quyết định số 1182/QĐ-HĐQT/VTTS ngày 15/12/2025 của Hội đồng quản trị Công ty.

Công ty xây dựng mức tiền lương kế hoạch năm 2026 của Chủ tịch HĐQT chuyên trách (Người đại diện vốn), như sau:

Số lượng: 01 người

Số tháng làm việc trong năm: 12 tháng

Căn cứ Điều 4 và khoản 1 Điều 5 Nghị định số 248/2025/NĐ – CP: “1. Doanh nghiệp có lợi nhuận và lợi nhuận thực hiện không thấp hơn kế hoạch thì mức tiền lương tối đa bằng 02 lần mức lương cơ bản, nếu lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì thực hiện theo nguyên tắc 1% lợi nhuận vượt so với kế hoạch, được tính thêm 2% mức tiền lương nhưng không quá 20% mức tiền lương tính trên cơ sở 02 lần mức lương cơ bản. Trường hợp lợi nhuận thực hiện thấp hơn kế hoạch thì mức tiền lương tối đa được tính bằng 80% nhân với 02 lần mức lương cơ bản và nhân với tỷ lệ lợi nhuận thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch, nhưng không thấp hơn 80% mức lương cơ bản”.

- Lợi nhuận thực hiện năm 2025: 178.108.974.147 đồng.

- Lợi nhuận kế hoạch năm 2026: 171.835.000.000 đồng.

Lợi nhuận kế hoạch năm 2026 thấp hơn lợi nhuận thực hiện năm 2025, vì vậy mức tiền lương kế hoạch năm 2026 của Chủ tịch HĐQT làm việc chuyên trách (người đại diện vốn nhà nước) được xây dựng như sau:

$80\% \times (48.000.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ lần}) \times (171.835.000.000 \text{ đồng} / 178.108.974.147 \text{ đồng}) \times 12 \text{ tháng} \times 01 \text{ người} = 889.136.197 \text{ đồng}.$

Bằng chữ: Tám trăm tám mươi chín triệu, một trăm ba mươi sáu ngàn, một trăm chín mươi bảy đồng chẵn.

2. Mức tiền lương kế hoạch năm 2026 của Trưởng Ban Kiểm soát làm việc chuyên trách (không phải người đại diện vốn nhà nước)

Căn cứ các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026; Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước; Căn cứ tiết a, tiết b điểm 1.1 khoản 1 Điều 5 Quy chế trả lương, thù lao của Công ty;

Công ty xây dựng mức tiền lương kế hoạch năm 2026 của Trưởng Ban Kiểm soát làm việc chuyên trách (không phải người đại diện vốn nhà nước), như sau:

Số lượng: 01 người

Thời gian làm việc trong năm: 12 tháng

Mức tiền lương kế hoạch năm 2026, như sau:

$41.000.000 \times 12 \text{ tháng} \times 01 \text{ người} = 492.000.000 \text{ đồng}$

Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi hai triệu đồng.

3. Mức thù lao kế hoạch của Thành viên HĐQT làm việc không chuyên trách

Căn cứ các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026; Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước; Căn cứ tiết a điểm 1.2 khoản 1 Điều 5 Quy chế trả lương, thù lao của Công ty.

Công ty xây dựng mức thù lao kế hoạch năm 2026 của Thành viên HĐQT làm việc không chuyên trách, như sau:

3.1. Mức tiền lương kế hoạch năm 2026 của Thành viên Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách:

$80\% \times (40.000.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ lần}) \times (171.835.000.000 \text{ đồng} / 178.108.974.147 \text{ đồng}) = 61.745.569 \text{ đồng/tháng/người}.$

3.2. Xây dựng mức thù lao tối đa của Thành viên hội đồng quản trị làm việc không chuyên trách:

Số lượng: 04 người

Thời gian làm việc trong năm: 12 tháng

Thù lao bằng 20% tiền lương của Thành viên Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách:

$61.745.569 \text{ đồng/tháng/người} \times 20\% \times 04 \text{ người} \times 12 \text{ tháng} = 592.757.462 \text{ đồng}$

Bằng chữ: Năm trăm chín mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi bảy ngàn, bốn trăm sáu mươi hai đồng.

4. Mức thù lao kế hoạch của Thành viên Ban kiểm soát làm việc không chuyên trách

Căn cứ các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026; Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ tiết b điểm 1.2 khoản 1 Điều 5 Quy chế trả lương, thù lao của Công ty “... mức thù lao của thành viên ban kiểm soát làm việc chuyên trách bằng 5% mức tiền lương của Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách được xác định tại tiết b điểm 1.1 khoản 1 Điều này”,

Công ty xây dựng mức thù lao kế hoạch năm 2026 của Thành viên Ban kiểm soát làm việc không chuyên trách, như sau:

4.1. Mức tiền lương cơ bản của Thành viên Ban kiểm soát làm việc chuyên trách: 40.000.000 đồng/người/tháng

4.2. Mức thù lao của Thành viên Ban kiểm soát làm việc không chuyên trách:

- Số lượng: 02 người

- Thời gian làm việc trong năm: 12 tháng

- Thù lao bằng 5% tiền lương của Thành viên Ban kiểm soát làm việc chuyên trách.

4.3. Mức thù lao kế hoạch năm 2026 của Thành viên Ban kiểm soát làm việc không chuyên trách:

$40.000.000 \text{ đồng/người/tháng} \times 5\% \times 02 \text{ người} \times 12 \text{ tháng} = 48.000.000 \text{ đồng}$

(Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu đồng)

Căn cứ vào mức tiền lương kế hoạch của Chủ tịch HĐQT, mức tiền lương kế hoạch của Trưởng Ban kiểm soát; mức thù lao kế hoạch của Thành viên HĐQT, mức thù lao kế hoạch của Thành viên Ban kiểm soát được ĐHCĐ phê duyệt, Công ty chi trả tiền lương, thù lao theo đúng quy định, Quy chế của Công ty.

Mức tiền lương tối đa (thực hiện) của Chủ tịch HĐQT năm 2026, Mức thù lao tối đa (thực hiện) của Thành viên HĐQT làm việc không chuyên trách năm 2026 được xác định trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2026.

Kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS, HĐQT;
- Ban TGD;
- P. TCKT, TCNS;
- Lưu VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Bình

Số: /TTr-HĐQT/VTS

Vũng Tàu, ngày tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu (lần 6)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và theo Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

Căn cứ Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Hội đồng quản trị Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (lần 6), cụ thể như sau:

1. Sự cần thiết sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Tại khoản 1 Điều 59 Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp ngày 14 tháng 6 năm 2025 có quy định "Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ có trách nhiệm rà soát, ban hành hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành điều lệ được sửa đổi, bổ sung; quy chế tài chính; quy chế nội bộ của doanh nghiệp bảo đảm phù hợp với quy định của Luật này; việc ban hành phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2026".

Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là "Điều lệ") được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 27/6/2024. Đến nay, một số nội dung không còn phù hợp với quy định pháp luật mới ban hành.

Một số quy định tại Điều lệ không còn phù hợp với mô hình tổ chức, quản trị và yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn hiện nay.

Vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty là cần thiết để đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của Công ty hiện nay,

làm cơ sở cho việc quản trị, điều hành Công ty cũng như đảm bảo các quyền và lợi ích của cổ đông.

2. Cơ sở pháp lý để sửa đổi, bổ sung Điều lệ (lần 6)

- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025;

- Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp ngày 14 tháng 6 năm 2025;

- Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

- Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

3. Phương án sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (lần 6)

Đính kèm Phương án sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và dự thảo Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung (lần 6).

Kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS, HĐQT;
- Ban TGD;
- Lưu VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Bình

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI BIỂN VŨNG TÀU
(VUNGTAU SHIP)**

**DỰ THẢO
ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**
(Sửa đổi, bổ sung lần 6)

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC TỪ NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ CÔNG TY, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

Chương III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần

Điều 6. Sổ đăng ký cổ đông

Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần

Chương V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 8. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty

Chương VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 9. Quyền của cổ đông

Điều 10. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 11. Đại hội đồng cổ đông

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 13. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 14. Thay đổi các quyền

Điều 15. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 17. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 18. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Điều 19. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết và hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Chương VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 24. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 25. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 26. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC; THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 27. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, **cách chức**; quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

Điều 28. Thư ký Công ty

Chương IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 29. Thành phần Ban kiểm soát

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Điều 31. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Chương X. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY; CHẤP THUẬN HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN; TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG

Điều 32. Trách nhiệm của Người quản lý Công ty

Điều 33. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

Chương XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 35. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

Chương XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 36. Công nhân viên và công đoàn

Chương XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 37. Phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ và trả cổ tức

Chương XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 38. Tài khoản ngân hàng

Điều 39. Năm tài chính

Điều 40. Chế độ kế toán

Chương XV. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 41. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

Chương XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 42. Kiểm toán

Chương XVII. CON DẤU

Điều 43. Con dấu

Chương XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 44. Giải thể Công ty

Chương XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 45. Giải quyết tranh chấp nội bộ

Chương XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 46. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

Chương XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 47. Ngày hiệu lực

PHẦN MỞ ĐẦU

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025;

- Căn cứ Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp ngày 14 tháng 6 năm 2025;

- Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là “Điều lệ”) sửa đổi, bổ sung lần thứ 6 này được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2026 ngày ... tháng ... năm 2026.

Chương I

ĐỊNH NGHĨA CÁC TỪ NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 5 Điều lệ này.

“Vốn có quyền biểu quyết” là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

b) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020.

c) “Nghị định số 47/2021/NĐ-CP” là Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

d) “Ngày thành lập” Công ty:

Công ty Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu được thành lập ngày 10/02/1990 theo Quyết định của UBND Đặc khu Vũng Tàu Côn Đảo. Công ty được thành lập lại là Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 12/QĐ-UBT ngày 27/11/1992 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ngày 19/01/2012, UBND tỉnh có Quyết định số 145/QĐ-UBND phê duyệt phương án và chuyển Công ty Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu thành công ty cổ phần. Ngày 05/11/2012, Công ty đã tiến hành đăng ký lại doanh nghiệp và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500102608.

Ngày thành lập Công ty là ngày 10/02/1990.

Ngày truyền thống của Công ty là ngày 29/6 hàng năm (*gắn với mốc sự kiện ngày 29/6/1995, Hoa tiêu thuộc Xi nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu, đơn vị trực thuộc Công ty đã dẫn chuyển tàu đầu tiên vào cảng an toàn, mở đầu cho quá trình phát triển lĩnh vực hoạt động chính của Công ty*).

đ) "*Người quản lý Công ty*" bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

e) "*Người có quan hệ gia đình*" bao gồm các cá nhân được quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

g) "*Người có liên quan*" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

h) "*Thời hạn hoạt động*" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại khoản 6 Điều 2 Điều lệ này.

i) "*Việt Nam*" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

k) "*Ngày làm việc*" được hiểu là ngày dương lịch từ thứ hai đến **thứ sáu** hàng tuần, không bao gồm các ngày nghỉ hàng tuần, ngày Lễ, ngày Tết.

l) "*Cổ đông*" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Chương II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ CÔNG TY, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thời hạn hoạt động của Công ty và người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI BIỂN VŨNG TÀU**

- Tên tiếng Anh: **VUNGTAU SHIPPING AND SERVICES JOINT STOCK COMPANY**

- Tên viết tắt: **VUNGTAU SHIP**

2. Công ty: là công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: **01 Thống Nhất, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.**

- Điện thoại: 02543 859003 - 3852185

- Fax: 02543 858919

- E-mail: vts@vungtauship.com

- Website: www.vungtauship.com

4. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi giải thể Công ty theo khoản 1 Điều 44 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Ngành, nghề kinh doanh
1	- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (5012)
2	- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (5022)
3	- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (4933)
4	- Dịch vụ lưu trú: Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự (55100)
5	- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (52290)
6	- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (5610)
7	- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (4673)
8	- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (4649) Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng (46495); Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) (46592)

STT	Ngành, nghề kinh doanh
9	- Bán buôn tổng hợp (46900)
10	- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hoá (4610)
11	- Bán buôn thực phẩm (4632)
12	- Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (46799): Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (4620); Bán buôn hàng may mặc (46413); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (46530)
13	- Dịch vụ spa và xông hơi (96230)
14	- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương (5011)
15	- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (42990)
16	- Bốc xếp hàng hóa (5224) Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng biển (52243); Bốc xếp hàng hóa cảng sông (52244)
17	- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (5210) Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan (52101)
18	- Cung ứng lao động tạm thời và nguồn nhân lực khác (782) Chi tiết: Cung ứng lao động tạm thời (78210); Cung ứng nguồn nhân lực khác (7822)
19	- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (6810)
20	- Xây dựng nhà các loại (410) Chi tiết: Xây dựng nhà để ở (41010); Xây dựng nhà không để ở (41020)
21	- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (421) Chi tiết: Xây dựng công trình đường sắt (42110); Xây dựng công trình đường bộ (42120)
22	- Chuẩn bị mặt bằng (43120)
23	- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (4659) Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng (46591); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu (46599)
24	- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (4672) Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại (46721); Bán buôn sắt, thép (46722)
25	- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (82300)
26	Bán buôn đồ uống (4633) - Bán buôn đồ uống có cồn (46331) - Bán buôn đồ uống không có cồn (46332)
27	Bán lẻ đồ uống (47230)
28	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào (47240)

STT	Ngành, nghề kinh doanh
29	Các ngành nghề kinh doanh khác theo nhu cầu phát triển và mở rộng hoạt động SXKD trong từng thời kỳ.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển ổn định, lâu dài và vững chắc, tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chương IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 164.237.820.000 đồng (Một trăm sáu mươi tư tỷ, hai trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 16.423.782 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có).

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác (ngoại trừ cổ phần ưu đãi biểu quyết) sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty không có cổ đông sáng lập.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà

Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công ty.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

5. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan.

Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp

luật có quy định khác.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng quyền nhận cổ tức.

3. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Công ty.

5. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Công ty.

7. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

8. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ này.

Chương V CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 8. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát;
3. Tổng Giám đốc.

Chương VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 9. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ Công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định của pháp luật có liên quan **hoặc Điều lệ này có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần;**

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị;

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề

cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

6. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 10. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

7. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

Điều 11. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội

đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 14. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở

lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 15. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

d) Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty, không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành

viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

5. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu: Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; Phiếu biểu quyết.

Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 9 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

7. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 6 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 6 Điều này;
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 6 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 16. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 15 của Điều lệ này.

Điều 17. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 18. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu

đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 19. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp.

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 20. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 21. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết và hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 9 có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật này và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

2. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

a) Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

b) Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

c) Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này, các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Chương VII **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 22. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu, số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 ứng viên và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 ứng viên. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

4. Thành viên Hội đồng quản trị bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm trong trường hợp sau:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

5. Thành viên Hội đồng quản trị bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm trong trường hợp không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

6. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này.

7. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư **và bán tài sản** có giá trị từ 5% đến nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) **Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; phê duyệt chủ trương, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc; phê duyệt chủ trương, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, theo đề nghị của Tổng Giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.**

- Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức Thư ký công ty và quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thư ký Công ty.

- Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- Phê duyệt **chủ trương** bổ nhiệm, **bổ nhiệm lại**, miễn nhiệm, **cách chức** các chức danh trưởng phòng nghiệp vụ Công ty; Giám đốc các đơn vị trực thuộc Công ty do Tổng Giám đốc đề nghị.

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định

thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 24. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác theo quy định hiện hành của Nhà nước và Quy chế trả lương, thù lao; Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng, phúc lợi của Công ty.

2. Tiền lương, thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

Điều 25. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 26. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu

bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 14 Điều này.

14. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị **tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp** ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 13 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng **quản trị**. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

15. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

16. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

17. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương VIII **TỔNG GIÁM ĐỐC, THƯ KÝ CÔNG TY**

Điều 27. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức; quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tổng Giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý bao gồm trưởng phòng nghiệp vụ Công ty; Giám đốc các đơn vị trực thuộc Công ty sau khi thông qua Hội đồng quản trị phê duyệt chủ trương.

e) Phê duyệt chủ trương; Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức các chức danh bao gồm phó trưởng phòng, Phó Giám đốc các đơn vị trực thuộc Công ty; trưởng, phó phòng nghiệp vụ của đơn vị trực thuộc Công ty.

g) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

h) Tuyển dụng, bố trí, sử dụng lao động;

i) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

k) Trước ngày 01 tháng 3 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh cho cả năm;

l) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

m) Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư và bán tài sản có giá trị dưới 05% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

n) Ký kết hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 05% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

5. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, thành viên Ban kiểm soát Công ty; người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

Điều 28. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 29. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên Ban kiểm soát thường trú tại Việt Nam.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

3. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty;

d) Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 ứng viên.

5. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

6. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ sau đây:

a) Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

d) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;

đ) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

e) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

g) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

h) Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;

i) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

k) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

l) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;

m) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;

n) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

o) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;

p) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này, Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 31. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định hiện hành của Nhà nước và Quy chế trả lương, thù lao; Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng, phúc lợi của Công ty.

2. Tiền lương, thù lao, thưởng của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm và các quy định của pháp luật hiện hành. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh

nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương X

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY; CHẤP THUẬN HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN; TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG

Điều 32. Trách nhiệm của Người quản lý Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;

đ) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba.

Điều 33. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan sau đây:

a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 35. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị.

Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị. Các

báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

Chương XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 36. Công nhân viên và công đoàn

1. Trước ngày 01 tháng 3 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị thông qua kế hoạch lao động, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho cả năm.

2. Tổng Giám đốc phối hợp với Công đoàn cơ sở tổ chức Hội nghị Người lao động trước ngày 31 tháng 3 hàng năm.

Chương XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 37. Phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ và trả cổ tức

1. Lợi nhuận của Công ty sau khi bù đắp lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, phần lợi nhuận còn lại sau thuế được phân phối theo thứ tự như sau:

- a) Trích quỹ đầu tư phát triển của Công ty;
- b) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi;
- c) Chia cổ tức cho các cổ đông.

2. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận còn lại theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông này.

5. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;
- c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
- đ) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

Chương XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 38. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 39. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty là năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 40. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam.

Chương XV CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 41. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

1. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sau:
 - a) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm theo nội dung quy định tại Biểu số 3 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP;
 - b) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức 06 tháng của Công ty theo nội dung quy định tại Biểu số 5 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP;
 - c) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức hằng năm của Công ty theo nội dung quy định tại Biểu số 6 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP;
 - d) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.
2. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty các báo cáo quy định tại Khoản 1 Điều này và các thông tin sau:
 - a) Thông tin cơ bản về Công ty và Điều lệ Công ty.
 - b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty;
 - c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

4. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và niêm yết công khai tại trụ sở chính của Công ty về các thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Công ty bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;

b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của Công ty;

c) Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của Công ty;

d) Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán, Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát;

đ) Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với người quản lý Công ty;

e) Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của Công ty;

g) Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính;

h) Có quyết định thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các Công ty khác.

5. Công ty đồng thời thực hiện công bố các thông tin quy định tại khoản 1, điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều này trên Cổng thông tin doanh nghiệp đúng thời hạn theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP.

6. Công ty phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh chậm nhất là 03 ngày làm việc sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số Hộ chiếu, địa chỉ liên lạc, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là tổ chức nước ngoài và họ, tên, quốc tịch, số Hộ chiếu, địa chỉ liên lạc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.

Chương XVI **KIỂM TOÁN CÔNG TY**

Điều 42. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương XVII CON DẤU

Điều 43. Con dấu

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, xí nghiệp, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc của Công ty (nếu có).

3. Việc quản lý, sử dụng con dấu của Công ty, chi nhánh, xí nghiệp, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc của Công ty (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế công tác văn thư của Công ty.

Chương XVIII GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 44. Giải thể Công ty

1. Công ty bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Công ty không còn đủ số lượng thành viên, cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.

2. Trình tự, thủ tục giải thể Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 208 Luật Doanh nghiệp.

Chương XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 45. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người quản lý khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 45 ngày làm việc từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 46. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XXI NGÀY HIỆU LỰC

Điều 47. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương, 47 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2026 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 08 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a) *03 bản gửi báo cáo các cơ quan chức năng theo quy định (01 bản gửi UBND thành phố Hồ Chí Minh; 01 bản gửi Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh; 01 bản gửi Sở Nội vụ thành phố Hồ Chí Minh);*

b) 01 bản gửi Hội đồng quản trị Công ty;

c) 01 bản gửi Ban Kiểm soát Công ty;

d) 03 bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty, thay thế mọi bản Điều lệ đã ban hành trước đó.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Cẩm

Số: /TTr-BKS/VTS

Vũng Tàu, ngày tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2026
của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu.**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu (Công ty) sửa đổi, bổ sung lần 5 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/6/2024;

Căn cứ Biên bản họp Ban Kiểm soát ngày 12/5/2026;

Xét hồ sơ năng lực, thư chào cung cấp dịch vụ của Công ty TNHH Kiểm toán FAC ngày 03/3/2026.

Ban Kiểm soát Công ty có ý kiến như sau: Công ty TNHH Kiểm toán FAC là đơn vị kiểm toán nằm trong danh mục được Bộ Tài chính phê duyệt đủ điều kiện hoạt động kiểm toán; đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và kinh nghiệm đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán, có mức phí kiểm toán, dịch vụ tư vấn tốt phù hợp. Công ty TNHH Kiểm toán FAC là đơn vị đã kiểm toán cho năm tài chính 2025 của Công ty, kết quả thực hiện kiểm toán cho thấy Công ty TNHH Kiểm toán FAC thực hiện đúng thời hạn, đạt hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của Công ty.

Vì vậy, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2026 là Công ty TNHH Kiểm toán FAC.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT;
- Ban TGĐ;
- Lưu: TK, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Quốc Huy

Số: /NQ-ĐHĐCĐ/VTS

Vũng Tàu, ngày tháng 6 năm 2026

(DỰ THẢO)

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và theo Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu;

- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026, ngày ... tháng 6 năm 2026 của Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị.

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát.

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc tổng kết tình hình SXKD năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.

Điều 4. Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2026 như sau:

- Sản lượng dẫn tàu:	lượt tàu
- Tổng doanh thu và thu nhập:	tỷ đồng
Trong đó:	
+ Doanh thu dịch vụ hoa tiêu hàng hải:	tỷ đồng
+ Doanh thu kinh doanh khác:	tỷ đồng
+ Doanh thu tài chính:	tỷ đồng
- Kế hoạch lợi nhuận trước thuế:	tỷ đồng
- Kế hoạch lợi nhuận sau thuế:	tỷ đồng
- Tỷ lệ chi trả cổ tức:	...%/vốn điều lệ
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)%

Điều 5. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu đã được kiểm toán.

Điều 6. Thông qua Phân phối lợi nhuận năm 2025, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức năm 2025 (*Chi tiết theo Tờ trình số .../TTr-HĐQT/VTS ngày .../6/2026*).

Điều 7. Phê duyệt mức tiền lương thực hiện năm 2025 của Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS; quỹ thù lao thực hiện năm 2025 của thành viên HĐQT, BKS làm việc không chuyên trách (*Chi tiết theo Tờ trình số .../TTr-HĐQT/VTS ngày .../6/2026*).

Điều 8. Phê duyệt mức tiền lương kế hoạch năm 2026 của Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS; quỹ thù lao kế hoạch năm 2026 của thành viên HĐQT, BKS làm việc không chuyên trách (*Chi tiết theo Tờ trình số .../TTr-HĐQT/VTS ngày .../6/2026*).

Điều 9. Thông qua chọn Công ty TNHH Kiểm toán FAC là đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2026 của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu.

Điều 10. Thông qua dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu (sửa đổi, bổ sung lần 6).

Điều 11. Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Trưởng các phòng nghiệp vụ, đơn vị trực thuộc Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu và toàn thể cổ đông của Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- Đăng website Công ty;
- Lưu VT, TK.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Lê Văn Bình